

Số: 22/21/CBTT-DBT  
Về việc CBTT báo cáo  
thường niên năm 2020

TP. Bến Tre, ngày 20 tháng 4 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
2. Mã chứng khoán: DBT
3. Địa chỉ trụ sở chính: 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
4. Văn phòng đại diện tại TP HCM: số 11, đường Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP HCM.
5. Điện thoại: 028 3622 0205.
6. Người được ủy quyền công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Cấp Tiên.
7. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre.

Đường link đăng tải toàn văn Báo cáo thường niên năm 2020: <http://bepharco.com/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Người đại diện theo pháp luật của Công ty  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: TK HĐQT.



**PHẠM THỨ TRIỆU**



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

# VỮNG BƯỚC **KIỆN TOÀN** VỮNG TIN **TĂNG TỐC**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM **2020**

## ĐỊNH NGHĨA

Viết tắt	Viết đầy đủ
BCTC	Báo cáo tài chính
Bepharco	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre
Biopharco	Công ty Cổ phần Vắc Xin và Sinh phẩm Nha Trang
Ypharco	Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái
Codupha	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng Cổ đông Công ty
HĐQT	Hội đồng Quản trị
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
BKTNB	Ban kiểm toán nội bộ
CT	Công ty
CP	Cổ phiếu, cổ phần

## ĐỊNH NGHĨA (tiếp theo)

Viết tắt	Viết đầy đủ
DBT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre
CTCP	Công ty cổ phần
DT	Doanh thu
DTT	Doanh thu thuần
LNST	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
ETC	Kênh bán hàng qua bệnh viện và các cơ sở y tế
OTC	Kênh bán hàng qua nhà thuốc, quầy thuốc
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
VNR	Công ty Việt Nam Report



## Chương I:

### THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát	8
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	16
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	20
4. Định hướng phát triển	26
5. Các rủi ro	28

## Chương II:

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	34
2. Tổ chức và nhân sự	35
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	44
4. Tình hình tài chính và các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	47
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	50
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	51



### Chương III:

## **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020	54
2. Tình hình tài chính	56
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	58
4. Các kế hoạch hoạt động trong năm 2021	59

### Chương IV:

## **ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các hoạt động của Công ty	62
2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị	64

### Chương V:

## **QUẢN TRỊ CÔNG TY**

1. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	68
2. Hoạt động của Hội đồng quản trị	69

### Chương VI:

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

- Đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán.	72
- Đường link đăng tải toàn văn Báo cáo tài chính của DBT năm 2020 đã được kiểm toán.	72





# I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro





# I. THÔNG TIN CHUNG

**Tên Công ty:** CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

**Tên viết tắt:** BEPHARCO

**Tên Tiếng Anh:** Ben Tre Pharmaceutical Joint Stock Company

**Mã cổ phiếu:** DBT

**Trụ sở chính:** Số 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

**VP điều hành:** Số 11 Nguyễn Trọng Quyền, P Tân Thới Hòa, Q Tân Phú, TPHCM

**Điện thoại:** (028) 3622 0205

**Email:** [bepharco.vietnam@bepharco.com](mailto:bepharco.vietnam@bepharco.com)

**Fax:** (028) 3961 0613

**Website:** [www.bepharco.com](http://www.bepharco.com)





**BEPHARCO**

*Vốn điều lệ:*

**142.051.160.000** đồng

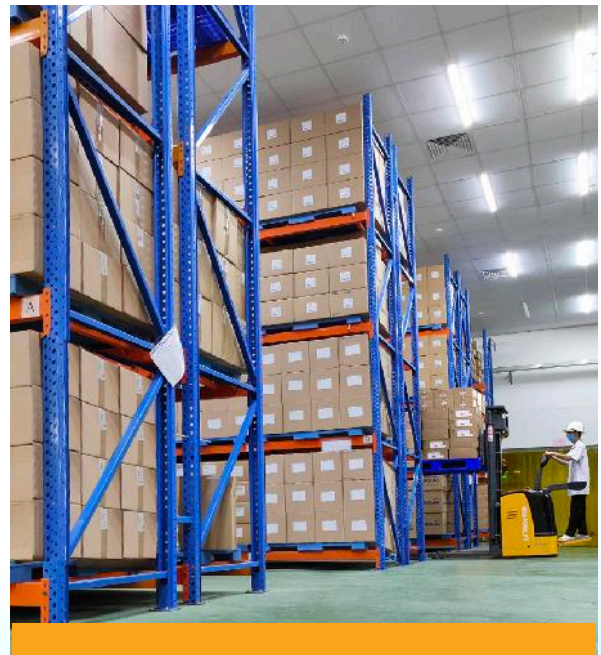
*Vốn chủ sở hữu:*

**247.225.351.580** đồng

*Đăng ký DN:*

**Số 1300382591**

do Sở Kế hoạch và Đầu tư  
tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày  
05/07/2004,  
đăng ký thay đổi lần thứ 17  
ngày 03/02/2021



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1976



Công ty Dược phẩm Bến Tre được thành lập trên cơ sở sáp nhập Phòng Bào chế thuốc của tỉnh phục vụ cung ứng thuốc cho chiến trường với Tổng kho Dược và các nhà thuốc mới tiếp quản sau 30.04.1975.

1978



Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre quyết định thành lập Xí nghiệp Dược phẩm Bến Tre hoạt động song song cùng với Công ty Dược phẩm Bến Tre.

1983



Xí nghiệp Liên hợp Dược Bến Tre được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Dược phẩm Bến Tre và Xí nghiệp Dược phẩm Bến Tre.

1992



Xí nghiệp Liên hợp Dược Bến Tre được đổi tên thành Công ty Dược & Vật tư Y tế, chức năng kinh doanh là sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế.

2004



Công ty Dược & Vật tư Y tế Bến Tre cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (Bepharco), với vốn điều lệ 20 tỷ đồng, Nhà nước sở hữu 51% vốn điều lệ.

2007



Công ty phát hành thêm 1.000.000 triệu cổ phần (mệnh giá 10.000đ/cổ phần), tăng vốn điều lệ lên 30 tỷ đồng.

2009



Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (Bepharco) chính thức được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là DBT.

2013



Nhà nước thực hiện thoái vốn, giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại Bepharco từ 51% xuống còn 34% vốn điều lệ.

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

**2014**



Công ty phát hành thêm 3.999.895 cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tăng vốn điều lệ lên 69,99 tỷ đồng.

Tháng 12/2014, Nhà nước thoái vốn hoàn toàn tại Bepharco.

**2015**



Công ty phát hành thêm 699.913 cổ phần để chi trả cổ tức lần 2 năm 2014, tăng vốn điều lệ lên 76,99 tỷ đồng.

Tháng 8/2015 CTCP Dược phẩm Trung ương Codupha (Codupha) trở thành Công ty liên kết của Bepharco, Bepharco sở hữu với tỷ lệ 25,16%.

**2016**



Công ty phát hành thêm 4.614.686 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, chi trả cổ tức và cổ phiếu ESOP, tăng vốn điều lệ lên 123,14 tỷ đồng.

2017



Tháng 3/2017 CTCP Dược phẩm Yên Bái (Ypharco) trở thành Công ty con của Bepharco, Bepharco sở hữu với tỷ lệ 51,84%.

Tháng 4/2017 CTCP Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang (Biopharco) trở thành Công ty con của Bepharco, Bepharco sở hữu với tỷ lệ 51,0%.

Bepharco triển khai phân phối độc quyền 02 nhóm hàng của Công ty con theo định hướng phát triển lâu dài của Công ty trong chuỗi giá trị ngành dược, bao gồm nhóm đông dược và sinh phẩm.

2019



Công ty phát hành riêng lẻ 1.214.320 cổ phiếu cho các nhà đầu tư chiến lược, tăng vốn điều lệ lên 135,28 tỷ đồng.

Tháng 7/2019, Bepharco thực hiện tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty con Ypharco từ 51,84% lên 82,15% nhằm tăng quyền chủ động điều hành trong sản xuất kinh doanh.

Năm 2019 là năm đầu tiên nhiệm kỳ mới của Hội đồng Quản trị Công ty (2019-2023), là năm Bepharco thực hiện tái cấu trúc toàn diện từ, Công ty mẹ đến các Công ty con, từ HĐQT đến các phòng ban trực thuộc, thực hiện triển khai các kế hoạch định hướng trong 05 năm của ĐHĐCĐ và HĐQT đã đề ra.

## CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

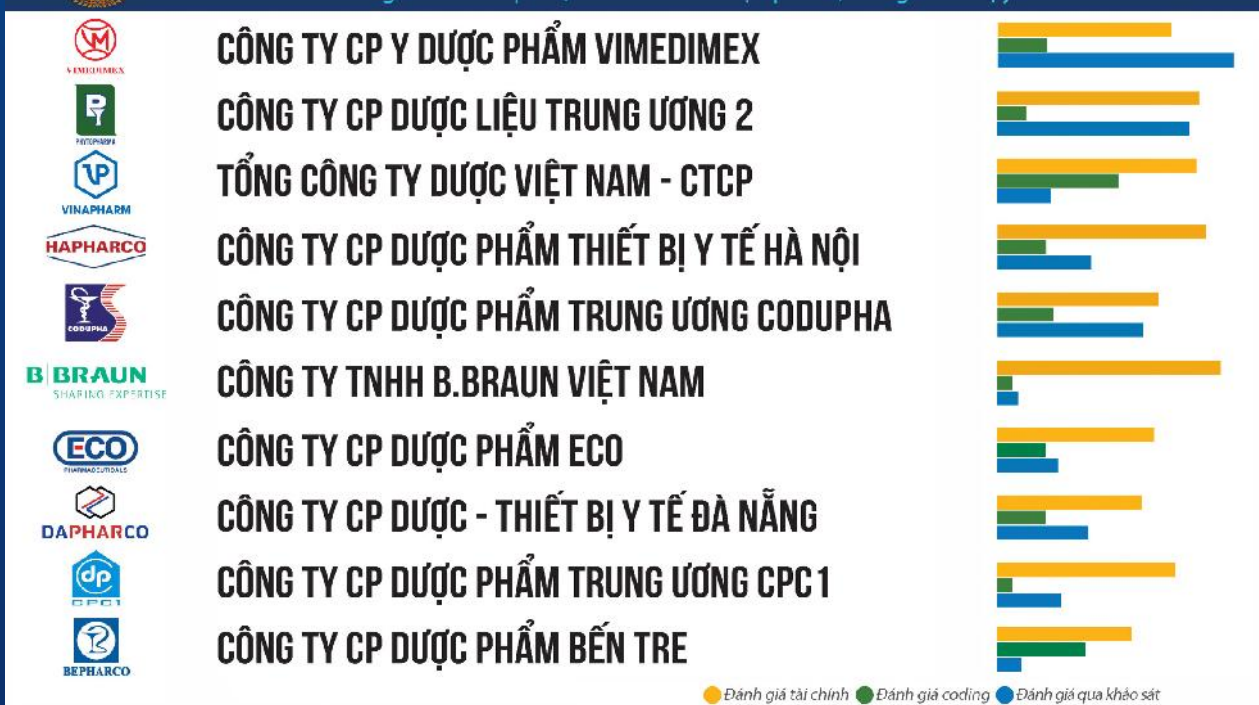
Trong nhiều năm qua, Bepharco đã vinh dự nhận được nhiều bằng khen, giải thưởng bình chọn, cúp chứng nhận từ Nhà nước, các bộ ngành và địa phương, cụ thể như sau:

- 🏆 Huân chương lao động hạng 3 năm 1987 - Chủ tịch nước.
- 🏆 Huân chương lao động hạng 2 năm 1992 - Chủ tịch nước.
- 🏆 Huân chương lao động hạng 1 năm 1997- Chủ tịch nước.
- 🏆 Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2005, 2008 - Bộ Khoa học và Công nghệ.
- 🏆 Doanh nghiệp Việt Nam Uy tín - Chất lượng (Trust brand) năm 2006, 2007, 2008 - Báo Thông tin thương mại (Bộ thương mại) - Vietnaminterprise.
- 🏆 Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2006, 2008 – UBND tỉnh Bến Tre.
- 🏆 Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2006 – Cờ thi đua Chính phủ.
- 🏆 Đơn vị xuất sắc nhất trong phong trào “Xanh, sạch, đẹp. Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động” năm 2005 – Tổng LĐLĐ Việt Nam.
- 🏆 Đơn vị đạt giải nhì khối thi đua năm 2010 – UBND tỉnh Bến Tre; Bằng khen của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam – Với thành tích đã thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT năm 2015 và 2016.
- 🏆 Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tôn vinh là một trong 30 doanh nghiệp minh bạch nhất HNX năm 2015 – 2016.
- 🏆 Top 10 công ty phân phối, kinh doanh dược phẩm; trang thiết bị, vật tư y tế Việt Nam uy tín năm 2020 do VNR đánh giá xếp hạng.



### TOP 10 CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM UY TÍN NĂM 2020

Nhóm ngành: Phân phối, kinh doanh dược phẩm, trang thiết bị y tế







## 2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### 2.1. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Sản xuất, kinh doanh thuốc trị bệnh cho người.

Bán buôn, bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm.

Xuất nhập khẩu các mặt hàng: thuốc thành phẩm, bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học.

Kinh doanh các loại máy móc, trang thiết bị y tế.

Cho thuê mặt bằng kinh doanh.





## 2.2. ĐỊA BÀN KINH DOANH

Rộng khắp 63 tỉnh thành trên toàn quốc.

Mạng lưới phân phối của DBT trải rộng trên toàn quốc, phủ khắp 63 tỉnh thành.

Trụ sở chính tại TP Bến Tre và phòng Kinh doanh tại TP Bến Tre.

Văn phòng điều hành tại TPHCM  
gồm Ban điều hành và các phòng ban chức năng.

06 chi nhánh trực thuộc quản lý mạng lưới bán hàng phủ khắp toàn quốc.

Địa bàn phân phối được phân vùng quản lý.

+ Địa bàn trong tỉnh: Với đầu mối phân phối là Phòng kinh doanh, phân phối sản phẩm đến hơn 1.500 đối tượng khách hàng. Tham gia bán lẻ tại các cửa hàng trực thuộc hiệu thuốc (kể cả các cửa hàng trong bệnh viện).

+ Địa bàn ngoài tỉnh: gồm Văn phòng đại diện và 6 chi nhánh trực thuộc, phụ trách phân phối thuốc đến gần 20.000 đối tượng khách hàng.

### Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Phân phối trên địa bàn 10 tỉnh, gồm TP. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Long An, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Vũng Tàu, Bình Thuận, Lâm Đồng.

### Chi nhánh Hà Nội:

Phân phối trên địa bàn 20 tỉnh, gồm Hà Nội, Bắc Giang, Hải Dương, Hải Phòng, Lào Cai, Phú Thọ, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Ninh, Hưng Yên, Sơn La, Vĩnh Phúc, Yên Bái, Hà Giang, Điện Biên, Bắc Kạn, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Lai Châu, Cao Bằng.

### Chi nhánh Đà Nẵng:

Phân phối trên địa bàn 8 tỉnh, gồm Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An.

### Chi nhánh Cần Thơ:

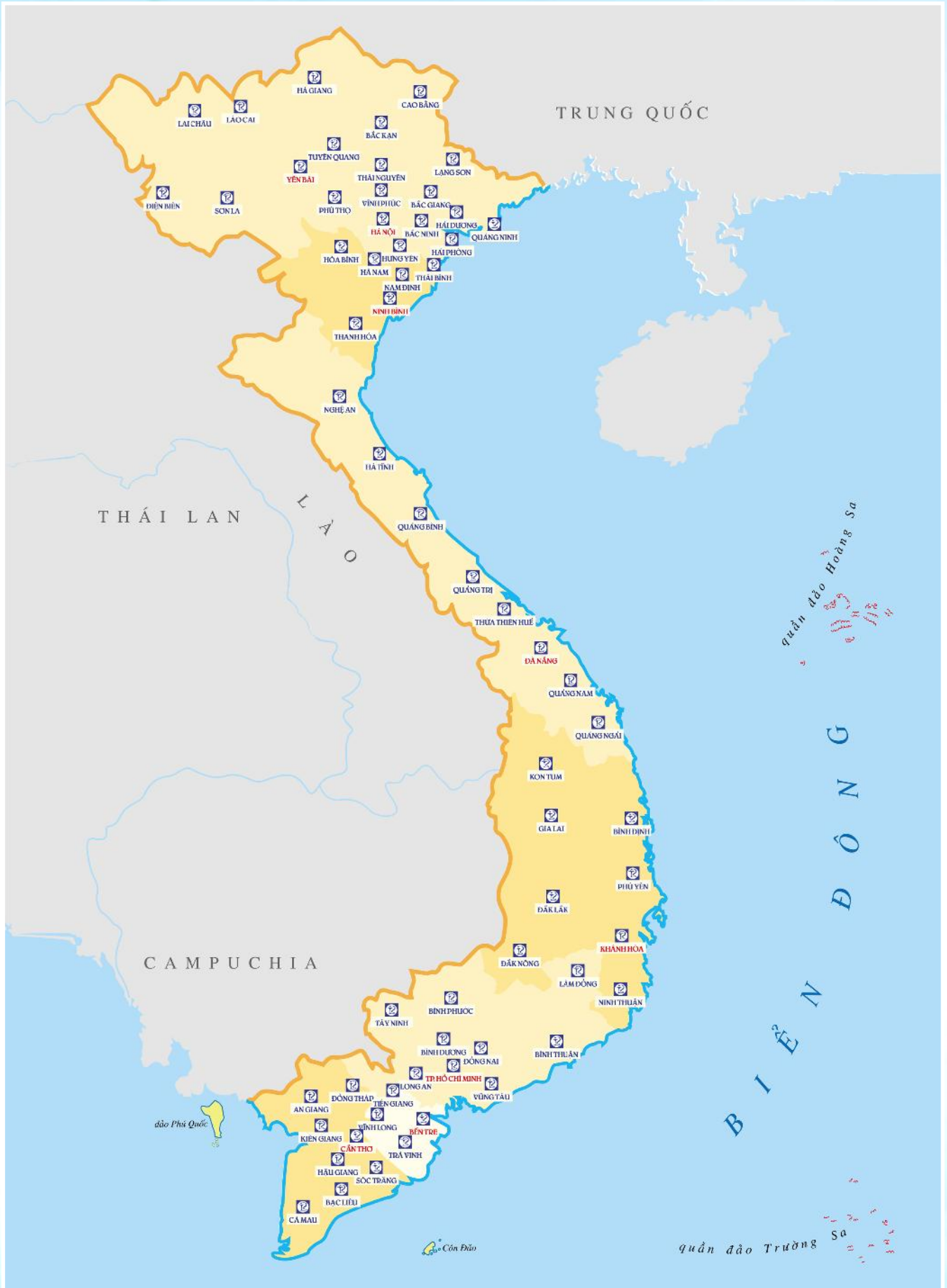
Phân phối trên địa bàn 10 tỉnh, gồm Cần Thơ, An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long.

### Chi nhánh Khánh Hòa:

Phân phối trên địa bàn 8 tỉnh gồm Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Ninh Thuận.

### Chi nhánh Ninh Bình:

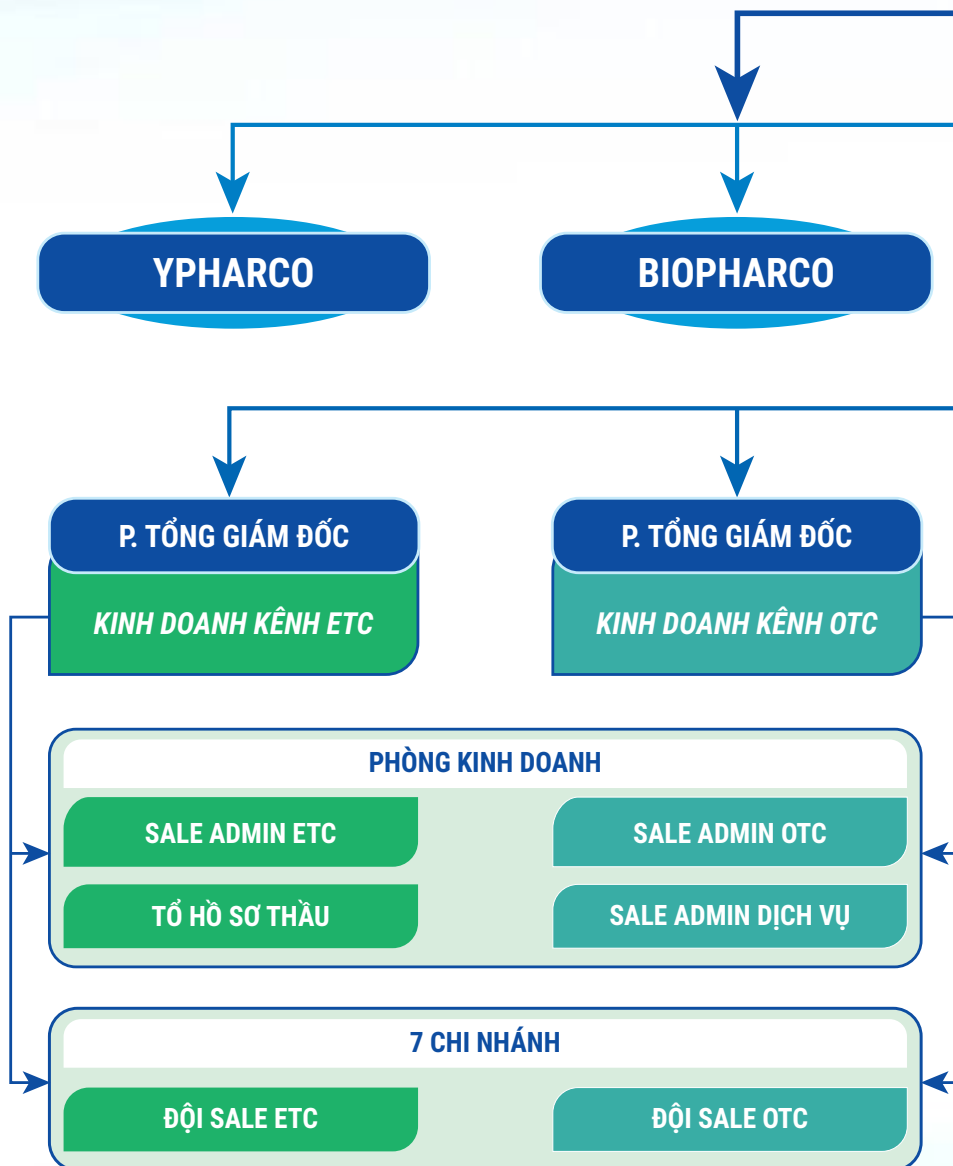
Phân phối trên địa bàn 6 tỉnh, gồm Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình, Thanh Hóa, Hà Nam, Hòa Bình.



### 3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

#### MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty được tổ chức theo mô hình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị), Ban Tổng Giám đốc.



# ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CODUPHA

TỔNG GIÁM ĐỐC

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

P. TỔNG GIÁM ĐỐC

NỘI CHÍNH

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

PHÒNG HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ

TỔ ERP, CNTT

PHÒNG KẾ HOẠCH

BỘ PHẬN KHO VẬN

PHÒNG MARKETING

PHÒNG NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN

PHÒNG ĐĂNG KÝ THUỐC

BỘ PHẬN KẾ HOẠCH

P. TỔNG GIÁM ĐỐC

SẢN XUẤT

NHÀ MÁY SX THUỐC NƯỚC

PHÒNG KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

PHÒNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG



### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. ĐHĐCĐ có những trách nhiệm chính: thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về hướng phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### TỔNG GIÁM ĐỐC

Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT về phương án kinh doanh và phương án đầu tư, kiến nghị cách bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.

**Văn phòng điều hành tại TPHCM:** làm tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc quản lý giao dịch kinh doanh và tiếp thị sản phẩm.

**Phòng Marketing:** Triển khai thực hiện và đánh giá các chương trình quảng bá, tiếp thị sản phẩm, xây dựng kế hoạch phát triển hình ảnh, thương hiệu; Làm tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về các chiến lược quảng bá, tiếp thị sản phẩm, mở rộng thị trường;

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT quyết định chiến lược phát triển Công ty, xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý Công ty đồng thời đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do ĐHĐCĐ đề ra.

#### **Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị**

- Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm và thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được phê duyệt.
- Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; đề xuất biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

**Khối mua hàng thuộc phòng Kế hoạch:** tham mưu cho Tổng giám đốc về kế hoạch nhập các hàng hóa, sản phẩm để kinh doanh trong từng tháng, quý, năm. Tham mưu cho Tổng giám đốc về các sản phẩm tiềm năng để thương lượng với đối tác.

**Phòng nghiên cứu sản xuất:** làm tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty trong công tác cải tiến sản phẩm, nghiên cứu các sản phẩm mới và đăng ký lưu hành thuốc, theo dõi các hoạt động kỹ thuật, tham gia giải quyết các sự cố kỹ thuật trong quá trình sản xuất.

### PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH ETC:

Điều hành và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về hoạt động kinh doanh kênh ETC.

**Khối kinh doanh kênh ETC thuộc Phòng Kinh doanh:** Làm tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc quản lý, thực hiện công tác đấu thầu cung ứng thuốc kênh ETC.

**Kênh ETC 07 chi nhánh trực thuộc:** Có chức năng quản lý và đấu thầu cung ứng, phân phối sản phẩm cho kênh ETC trên địa bàn các tỉnh mà chi nhánh quản lý.

### PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH OTC:

Điều hành và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về hoạt động kinh doanh kênh OTC.

**Khối kinh doanh kênh OTC thuộc Phòng Kinh doanh:** Làm tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc quản lý thực hiện công tác bán hàng, xây dựng chính sách bán hàng kênh OTC và dịch vụ;

**Kênh OTC 07 chi nhánh trực thuộc:** Có chức năng quản lý và tiếp thị bán hàng, phân phối sản phẩm cho kênh OTC trên địa bàn các tỉnh mà chi nhánh quản lý.

### PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC NỘI CHÍNH:

Điều hành và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về hoạt động của khối tài chính kế toán

**Phòng Tài chính Kế toán:** Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm, tổ chức bộ máy tài chính kế toán, thực hiện quản lý nguồn vốn, tài sản, cân đối thu chi.

**Phòng Hành chính Nhân sự:** Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về sắp xếp, bố trí nguồn nhân sự phục vụ sản xuất kinh doanh, phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty, quản lý nhân sự tiền lương, hành chính, văn phòng,...

**Khối Kho vận thuộc phòng Kế hoạch Xây dựng kế hoạch và điều động hàng hóa,** đảm bảo nhu cầu hàng hóa kinh doanh cho các đơn vị trực thuộc Công ty.

### PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH SẢN XUẤT:

Điều hành và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về hoạt động của khối sản xuất.

**Phòng Kiểm tra chất lượng:** Thực hiện việc xây dựng tiêu chuẩn và phương pháp kiểm nghiệm đối với nguyên liệu, bao bì, bán thành phẩm, thành phẩm.

**Phòng Đảm bảo chất lượng:** thực hiện công tác quản lý hệ thống chất lượng, soát xét tài liệu nội bộ, giám sát từ khâu mua nguyên liệu đầu vào, quá trình sản xuất đến thành phẩm xuất xưởng đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng, cập nhật thông tin, quy định hiện hành của các cơ quan quản lý chuyên ngành.

**Xưởng sản xuất:** thực hiện tất cả các công đoạn sản xuất từ khâu nhận nguyên phụ liệu đến khi sản xuất ra thành phẩm cuối cùng theo đúng các quy trình đã phê duyệt.



# QUI MÔ CÁC NHÀ MÁY SẢN XUẤT TRỰC THUỘC

## NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẠI BEPHARCO

- Nhà xưởng sản xuất đạt chuẩn GMP WHO có diện tích: 1.474,25 m<sup>2</sup> được xây trên diện tích đất hơn 4.000 m<sup>2</sup>.
- Địa điểm: Số 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
- Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt sản xuất thuốc” (GMP WHO), số: 527/GCN-QLD, cấp ngày 27 tháng 8 năm 2019.

### Dòng sản phẩm chủ lực:

Thuốc dạng siro và thuốc dạng hỗn dịch uống.



## NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẠI BIOPHARCO

- Nhà máy sản xuất đạt chuẩn GMP WHO diện tích 7.000 m<sup>2</sup> được xây trên diện tích đất 100.000 m<sup>2</sup>.
- Địa điểm : Thôn Cây Xoài, Xã Suối Tân, Huyện Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa.
- Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt sản xuất thuốc” (GMP WHO), số: 382/GCN-QLD, cấp ngày 12 tháng 9 năm 2017.

### Dòng sản phẩm chủ lực:

Vắc xin, sinh phẩm, các sản phẩm thuốc và thực phẩm chức năng chứa men vi sinh.



## NHÀ MÁY SẢN XUẤT TẠI YPHARCO

- Nhà máy sản xuất đạt chuẩn GMP WHO diện tích sàn 2.800 m<sup>2</sup> được xây trên diện tích đất 6.500 m<sup>2</sup>.
- Địa điểm : số 725 đường Yên Ninh, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái.
- Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt sản xuất thuốc” (GMP WHO), số: 08/GCN-QLD, cấp ngày 08 tháng 01 năm 2018.

### Dòng sản phẩm chủ lực:

Thuốc đông dược, thực phẩm chức năng từ đông dược, thảo dược.



## 4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



### CHIẾN LƯỢC TỔNG THỂ CỦA CÔNG TY

Tiếp tục phát triển với mục tiêu  
“THUỐC TỐT – SỨC KHỎE TỐT”

Tăng cường công tác đầu tư và phát triển các sản phẩm mới chất lượng tốt từ sản xuất trực tiếp, tới nhập khẩu và liên kết với các doanh nghiệp trong ngành đảm bảo đa dạng hoá các sản phẩm của Bepharco.

Cải tiến các sản phẩm hiện có cho phù hợp với thị trường, đặc biệt là các sản phẩm mũi nhọn và truyền thống.

Xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, tinh nhuệ, phát triển mạng lưới bán lẻ với mục tiêu trở thành nhà phân phối lớn và uy tín, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác bán hàng để tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

Mở rộng có kiểm soát hiệu quả các thị trường mới là các thành phố lớn, trung tâm kinh tế lớn của cả nước, đặc biệt ở các thị trường này sẽ mở rộng hệ thống bán hàng OTC với hướng tập trung nhóm hàng sản xuất.



### MỤC TIÊU NHIỆM KỲ 2019-2023

Triển khai đầu tư, nghiên cứu, đăng ký những sản phẩm mới, dựa trên nhu cầu thị trường cũng như kết quả khảo sát từ quá trình kinh doanh.

Đẩy mạnh tìm kiếm đối tác hợp tác sản xuất trong và ngoài nước, mục tiêu đưa vào thị trường nhiều sản phẩm mới phù hợp chiến lược kinh doanh.

Triển khai đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ bán hàng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong tình hình mới.

Đầu tư nâng cấp, xây dựng bộ nhận diện thương hiệu từ Công ty mẹ đến các Công ty con, từ công tác truyền thông đến mẫu mã sản phẩm, thể hiện sự đồng bộ, tính chuyên nghiệp, theo kịp xu thế thị trường.

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản trị kinh doanh, quản lý bán hàng.



## CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG CỦA CÔNG TY

Tăng cường đầu tư hệ thống cơ sở vật chất tại Bepharco và các chi nhánh trực thuộc, cũng như hệ thống Logistic để phục vụ cho việc kinh doanh của Công ty và làm dịch vụ cho các đơn vị khác trong ngành.

Tăng cường tìm kiếm đối tác, doanh nghiệp sản xuất mới để mở rộng đầu tư, sáp nhập nhằm phát huy tối đa lợi thế sản xuất kinh doanh.

Cam kết tuân thủ nghiêm ngặt về yêu cầu bảo vệ môi trường trong quá trình kinh doanh, chú trọng phòng chống cháy nổ, xử lý nguồn nước thải theo đúng tiêu chuẩn của ngành và luật pháp Việt Nam.

Công ty luôn quan tâm công tác chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo để người lao động phát huy thế mạnh của bản thân góp phần vào sự thành công chung của DBT. Hơn thế nữa, Công ty hàng năm còn trích ra một phần lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh để thực hiện các công tác xã hội, hưởng ứng các phong trào đền ơn đáp nghĩa, quyên góp ủng hộ các hộ nghèo, gia đình gặp khó khăn, thiên tai do bão lũ gây ra,...

## 5. CÁC RỦI RO

### RỦI RO KINH TẾ

Năm 2020 là một năm đầy biến động của kinh tế thế giới, đại dịch Covid-19 cùng với căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và các vấn đề chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại. Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo, kinh tế thế giới dự kiến suy giảm ít nhất 4% trong năm 2020. Thương mại quốc tế sụt giảm nghiêm trọng do virus lây lan. Sự biến động khó lường trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế, giá dầu diễn biến phức tạp tác động đến tăng trưởng tín dụng, tâm lý và kỳ vọng thị trường, trong đó có sự ảnh hưởng tới ngành dược trong nước.

Tuy nhiên, theo dự báo của Tổng cục Thống kê, người dân Việt Nam độ tuổi trung bình từ 65 trở lên dự kiến đạt 7,5 triệu người trong năm 2021 và nhóm 65 tuổi trở lên sẽ tăng gần 7,9% trong tổng dân số cả nước và 18,1% năm 2049 (tăng nhanh với mức 7,1% năm 2014), với xu hướng dân số già hóa, chi phí dành cho chăm sóc sức khỏe tăng thêm, tăng tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế, đồng nghĩa với nhu cầu về dược phẩm, vật tư y tế phải đáp ứng kịp thời và đầy đủ.

Từ đầu năm 2020, dịch Covid-19 đã bắt đầu lây lan trên toàn thế giới. Tính đến tháng 12/2020, đại dịch Covid-19 đã lan ra tại 218 quốc gia/vùng lãnh thổ. Đã có 82,4 triệu người mắc bệnh và 1,8 triệu người đã tử vong. Đến nay, dịch bệnh vẫn chưa được kiểm soát và còn lây lan nhanh,

diễn biến phức tạp tại Châu Âu, Mỹ và nhiều nước châu Á, tác động tiêu cực đối với mọi hoạt động kinh tế - xã hội toàn cầu và Việt Nam, hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế đều chịu tác động tiêu cực. Trong đó các hoạt động chăm sóc sức khỏe và nhu cầu chữa các bệnh khác (không phải dịch Covid-19) giảm đáng kể, việc nhập khẩu nguyên liệu, hàng hóa gặp nhiều khó khăn, trong khi phải tăng chi để trang trải các biện pháp phòng ngừa rủi ro dịch bệnh... đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của hầu hết các ngành sản xuất, kinh doanh.

Theo Cục quản lý dược – Bộ y tế, tổng giá trị sản xuất trong nước đạt 2,8 tỷ USD. Hiện sản xuất trong nước chỉ đáp ứng được khoảng 47% nhu cầu, số còn lại phải là nhập khẩu. Theo Tổng Cục Hải Quan, năm 2020 Việt Nam đã nhập khẩu hơn 3,3 tỷ USD dược phẩm, tăng 7,4% so với năm 2020. Thị trường nhập khẩu thuốc chủ yếu từ các nước như Pháp, Đức, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Ý, Hàn Quốc, Bỉ, .... Kháng sinh vẫn là nhóm dược phẩm dẫn đầu về kim ngạch, hiện thị phần nhập khẩu của nhóm thuốc này chiếm khoảng 48 % trong tổng kim ngạch nhập khẩu dược phẩm. Theo sau là nhóm thuốc chuyển hóa dinh dưỡng, nhóm vitamin và thuốc bổ; nhóm tim mạch...

### RỦI RO PHÁP LUẬT

Ngành Dược là một trong những ngành chịu tác động nhiều bởi những tác động về quy định



quản lý của Nhà nước. Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016 chính thức có hiệu lực ngày 01/01/2017. Các văn bản dưới luật như Nghị định số 54/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược; thông tư số 11/2018/TT-BYT quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc; thông tư số 32/2018/TT-BYT qui định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc; thông tư số 15/2019/TT-BYT qui định việc đấu thầu thuốc trong các cơ sở y tế công lập. Với những qui định nghiêm ngặt trong việc quản lý công tác đấu thầu, cung ứng thuốc và đăng ký lưu hành sản phẩm Công ty sẽ gặp không ít những khó khăn trong công tác bán hàng. Tuy nhiên, để giảm thiểu những rủi ro này Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định trong chuyên môn để chủ động cải thiện nội lực, áp dụng các tiêu chuẩn mới phù hợp với Luật hiện hành đảm bảo điều kiện kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Ngoài ra, CTCP Dược phẩm Bến Tre là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần niêm yết, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Thuế, Luật Kế toán, Bộ luật Lao động, Luật Chứng khoán... Trong những năm gần đây, nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập sâu rộng trên trường quốc tế, ký kết nhiều hiệp định, các văn bản Luật dần được ban hành mới. Trong đó, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019 thay thế Luật Chứng khoán

2006 và Luật Chứng khoán sửa đổi 2010 có nhiều sửa đổi, thay thế.

Luật và các văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, Công ty luôn chủ động nghiên cứu nắm bắt các quy định mới nhằm tuân thủ các điều luật, nâng cao tính minh bạch, đặc biệt là đưa khả năng quản trị Công ty tiệm cận với các thông lệ tốt của quốc tế giúp việc quản lý ngày một hiệu quả hơn.

## RỦI RO CẠNH TRANH

Việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA), hình thành cộng đồng ASEAN vào đầu năm 2019, Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP) có hiệu lực sẽ mở ra cơ hội và không gian phát triển rộng lớn hơn, nhưng thách thức cũng lớn hơn đối với các doanh nghiệp ngành dược. Tiến trình này sẽ thu hút mạnh các nhà đầu tư ngoại tham gia vào nền kinh tế, tạo nên sự đa dạng trong cả cung và cầu, song song đó là sự cạnh tranh mạnh mẽ do hội nhập mang lại, nhất là cạnh tranh ngày càng gay gắt ngay cả trên thị trường trong nước.

Mặc dù hiện nay, kênh phân phối của Bepharco đã trải rộng khắp cả nước, tuy nhiên mức độ cạnh tranh trong những năm tới có thể gia tăng do các doanh nghiệp qui mô lớn hơn. Trong bối cảnh đó, Bepharco sẽ tiếp tục củng cố mối quan hệ với các kênh phân phối,



## 5. CÁC RỦI RO (tiếp theo)



xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu, xây dựng đội ngũ nhân viên tư vấn trực tiếp đến người tiêu dùng để nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, giữ vững thị phần, vị thế của Bepharco trong ngành.

### RỦI RO TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Hàng năm, Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng tân dược từ nước ngoài, phần lớn từ châu Âu (chiếm khoảng gần 60% doanh thu của Công ty). Giá cả nhập khẩu các mặt hàng trên bị tác động bởi những biến động về tỷ giá (tỷ trọng thanh toán bằng EUR chiếm 70% tổng giá trị thanh toán). Để giảm thiểu ảnh hưởng của loại rủi ro này, Công ty đã tiến hành phân tích, đánh giá và dự báo biến động giá cả sản phẩm đầu vào, từ đó chủ động nhập khẩu và tồn trữ hàng hóa thích hợp.

### RỦI RO SẢN PHẨM

Các công ty dược trong nước hiện nay đang phải phụ thuộc quá nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu cho sản xuất dược phẩm, có tới 90% nguyên liệu phải nhập khẩu. Phần lớn doanh nghiệp tập trung sản xuất những loại thuốc thông thường, chưa có nhiều doanh nghiệp đầu tư sản xuất các loại thuốc có dạng bào chế đặc biệt và thuốc chuyên khoa đặc trị. Đây

luôn là vấn đề của Việt Nam trong dài hạn bởi để sản xuất dược liệu đòi hỏi phải đầu tư nhiều và cần có khả năng về công nghệ. Hiện Việt Nam không có lợi thế cạnh tranh so với các nước khác, như Trung Quốc và Ấn Độ. Do đó, các công ty trong ngành dược có thể phải đối mặt với việc giá nguyên phụ liệu tăng cao, cũng như đối mặt với rủi ro tỷ giá.

Dược phẩm là một loại hàng hóa đặc thù liên quan đến sức khỏe và tính mạng của con người. Những năm gần đây, ngành Dược phẩm Việt Nam đang đối mặt với việc hàng nhái, hàng kém chất lượng, làm giả nhãn mác các thương hiệu nổi tiếng xuất hiện tràn lan trên thị trường làm hoang mang cho người tiêu dùng và gây thiệt hại lớn đến uy tín, doanh số của các doanh nghiệp trong ngành. Vì vậy trong những năm tiếp theo, mục tiêu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre là tiếp tục cố gắng hoàn thiện và thực hiện nghiêm ngặt trong quy trình đóng gói, tem chống hàng giả và bộ nhận diện thương hiệu, đảm bảo quản lý hàng hoá chặt chẽ, đảm bảo chất lượng sử dụng cho người tiêu dùng.

### RỦI RO LÃI SUẤT

Năm 2020 là năm thể hiện sự thành công trong việc điều tiết chính sách tiền tệ của



NHNN khi nhiều chính sách được ban hành, đồng thời có những động thái can thiệp đúng lúc khi thị trường chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19. Việc giảm lãi suất như là một chính sách tiền tệ mở rộng hữu hiệu, chẳng những hỗ trợ cho hệ thống doanh nghiệp, mà còn hỗ trợ cho thanh khoản tiền đồng của hệ thống ngân hàng, khi ngân hàng cần tiền. Từ đó, lãi suất huy động giảm xuống đồng thời giúp lãi suất cho vay cũng giảm theo.

Năm 2020, mặt bằng lãi suất cho vay VND duy trì ở mức 6,0-7,0%/năm đối với ngắn hạn. Mặc dù, NHNN có những động thái giảm trần lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VNĐ nhưng chỉ áp dụng cho các lĩnh vực ưu tiên. Do đó, Công ty không được hưởng lợi từ chính sách này. Với đặc thù kinh doanh của Công ty là thương mại dược phẩm nên dòng tiền để bổ sung vốn lưu động cho mục đích tồn kho hàng hóa lớn kéo theo nợ vay ngắn hạn luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản của Công ty. Khi có sự thay đổi nhỏ đối với lãi suất cho vay sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến chi phí tài chính dẫn đến ăn mòn vào lợi nhuận, tác động đến dòng tiền của Công ty. Vì vậy, Công ty luôn chủ động theo dõi tình hình lãi suất để đưa ra những quyết định đúng đắn và đúng lúc.



## RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

Ngoài việc thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan đến ngành nghề kinh doanh, Công ty còn chịu sự chi phối của Luật Bảo vệ Môi trường. Những hoạt động sản xuất, kinh doanh, xử lý chất thải tránh gây ô nhiễm môi trường luôn được Công ty đặt lên hàng đầu. Là một công ty hoạt động trong ngành Dược phẩm, sứ mệnh của Bepharco mang lại sức khỏe cho cộng đồng và xã hội. Vì vậy, Công ty luôn ý thức về vấn đề bảo vệ môi trường trong sạch, lành mạnh. Chấp hành Luật Bảo vệ Môi trường là một trong ưu tiên hàng đầu của Công ty.

## RỦI RO KHÁC

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, biến động giá cả, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.







## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính và các chỉ tiêu tài chính chủ yếu
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	%Tăng/ Giảm
1	Doanh thu thuần	786.282	836.410	6.4%
2	Giá vốn hàng bán	599.037	624.734	4.3%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	187.245	211.676	13.0%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	8.908	9.858	10.7%
5	Chi phí tài chính	16.970	26.760	57.7%
	Chi phí lãi vay	15.184	23.842	57.0%
6	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	5.928	4.315	-27.2%
7	Chi phí bán hàng	105.428	133.411	26.5%
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	50.785	47.400	-6.7%
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	28.898	18.275	-36.8%
10	Lợi nhuận khác	2.163	(1.123)	-151.9%
11	Lợi nhuận trước thuế	31.061	17.153	-44.8%
12	Lợi nhuận sau thuế	25.640	14.263	-44.4%

Nguồn: BCTC hợp nhất của DBT

### HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng



Trong năm 2020, doanh thu thuần đạt 836,4 tỷ đồng, doanh thu công ty mẹ tăng 18% so với cùng kỳ theo kế hoạch kinh doanh đã đề ra, trong năm 2020 công ty đẩy mạnh kinh doanh các mặt hàng mới, đáp ứng được nhu cầu thị trường.

Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 đạt 14,3 tỷ đồng, giảm 44,4% so với cùng kỳ năm 2019, do những khó khăn đã nêu trên đồng thời chịu các tác động tiêu cực từ dịch bệnh Covid-19.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2020 đạt 18,3 tỷ đồng, giảm 36,8% so với cùng kỳ là do công ty chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính tăng. Công ty sử dụng vốn vay để nhập khẩu các mặt hàng mới, đáp ứng nhu cầu thị trường và tăng khả năng cạnh tranh, ngoài ra năm 2020 công ty tập trung vào đa dạng chính sách bán hàng để đẩy mạnh kinh doanh, thu hút khách hàng.

## 2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Danh sách Hội đồng quản trị tại thời điểm ngày 31/12/2020

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu %/vốn điều lệ
1	Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch HĐQT	1.525.962	10,74%
2	Ông Vũ Quang Đông	Phó Chủ tịch	0	0%
3	Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên	1.090.913	7,68%
4	Ông Lê Vinh Danh	Thành viên	0	0%
5	Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên	25.250	0,18%
6	Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	641.812	4,52%

(\*) Theo danh sách cổ đông của DBT tại thời điểm ngày 06/01/2021

Tóm tắt lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị

## Ông LÊ VĂN MINH

**Chủ tịch HĐQT**



Năm sinh: 1980

Địa chỉ thường trú: 28 Mỹ Thái 1A,  
Phú Mỹ Hưng, Quận 7, TP. HCM.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị  
Kinh doanh.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ  
tại tổ chức khác:

+ Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần  
Dược phẩm Trung ương Codupha.

## Ông VŨ QUANG ĐÔNG

**Phó Chủ tịch HĐQT**

Địa chỉ thường trú: Phòng 106, nhà D14, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế tài chính.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

+ Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Dược phẩm Yên Bái.

+ Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones.



## Ông PHẠM THỨ TRIỆU

### *Thành viên HĐQT*

Năm sinh: 1979

Địa chỉ thường trú: 4/19 Phạm Huy Thông, phường 7, quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- + Chủ tịch HĐQT CTCP Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang.
- + Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Trung ương Codupha.
- + Chủ tịch HĐQT CTCP Giám định cà phê và hàng hóa xuất nhập khẩu.

## Ông NGUYỄN KHẮC HANH

### *Thành viên HĐQT*

Năm sinh: 1978

Địa chỉ thường trú: 23C Bùi Minh Trực, phường 6, quận 8, TP Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- + Giám đốc tài chính CTCP dệt may Đông Khánh - CTCP dệt may Đông Quang (Đông Quang Group).

## Ông NGUYỄN HOÀNG SƠN

### *Thành viên HĐQT*

Năm sinh: 1965

Địa chỉ: Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- + Thành viên HĐQT CTCP Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang.
- + Thành viên HĐQT Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Đức Việt.
- + Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Yên Bái.

## Ông LÊ VINH DANH

### *Thành viên HĐQT*

Năm sinh: 1963

Địa chỉ thường trú: 33/16 Đường số 9, P. Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ kinh tế, Học giả sau tiến sĩ, Giáo sư kinh tế.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có.

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Danh sách Ban Tổng Giám đốc Công ty tại thời điểm 31/12/2020

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Phạm Thứ Triệu	Tổng Giám đốc	1.090.913	7,68%
2	Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	32.921	0,23%
3	Bà Trần Thị Thanh Phượng	Phó Tổng Giám đốc	26.313	0,19%
4	Ông Triệu Văn Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	11.513	0,08%
5	Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Phó Tổng Giám đốc	0	0%

(\*) Theo danh sách cổ đông của DBT tại thời điểm ngày 06/01/2021.

Tóm tắt lý lịch các thành viên Ban Tổng Giám đốc

### Ông PHẠM THỨ TRIỆU

#### *Tổng Giám đốc*



Năm sinh: 1979

Địa chỉ thường trú: 4/19 Phạm Huy Thông, phường 7, quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- + Chủ tịch HĐQT CTCP Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang.
- + Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Trung ương Codupha.
- + Chủ tịch HĐQT CTCP Giám định cà phê và hàng hóa xuất nhập khẩu.



## **Ông HOÀNG XUÂN AN**

### ***Phó Tổng Giám đốc***

Năm sinh: 1978

Địa chỉ thường trú: 42, Tổ 46, Ngõ 123, Đường Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

+ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm Yên Bái.

## **Ông TRIỆU VĂN BẢO QUỐC**

### ***Phó Tổng Giám đốc***

Năm sinh: 1976

Địa chỉ thường trú: Ấp Phú Lộc Thượng, X. An Định, H. Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre.

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có.

## **Ông NGUYỄN THẾ QUỐC UY**

### ***Phó Tổng Giám đốc***

Năm sinh: 1984

Địa chỉ thường trú: B103, Căn hộ Quang Thái, 111B Lý Thánh Tông, phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính, Ngân hàng.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có.

## **Bà TRẦN THỊ THANH PHƯỢNG**

### ***Phó Tổng Giám đốc***

Năm sinh: 1964

Địa chỉ thường trú: 275 A4, KP.3, Phú Khương, Tỉnh Bến Tre.

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có.



## DANH SÁCH BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Danh sách Ban Kiểm toán nội bộ tại thời điểm 31/12/2020

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Trưởng ban	641.812	4,52%
2	Ông Nguyễn Đăng Nhật	Thành viên	14.017	0,10%
3	Bà Đỗ Trần Văn Hạnh	Thành viên	0	0%

(\*) Theo danh sách cổ đông của DBT tại thời điểm ngày 06/01/2021

Tóm tắt lý lịch các thành viên Ban kiểm toán nội bộ

### Ông NGUYỄN HOÀNG SƠN

#### **Trưởng ban**

Xem lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị.

### Ông NGUYỄN ĐĂNG NHẬT

#### **Thành viên**

Địa chỉ thường trú: 3100D, ấp Bình Thành, xã Bình Phú, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ khoa học máy tính.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có.

### Bà ĐỖ TRẦN VĂN HẠNH

#### **Thành viên**

Năm sinh: 1994

Địa chỉ thường trú: 189/14/12B1 Hoàng Hoa Thám, P.6, Q.Bình Thạnh, TP. HCM.

Trình độ chuyên môn: Đại học tài chính Ngân hàng.

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có.



## DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT, BKTNB, BTGD TRONG NĂM 2020

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày Bổ nhiệm	Ngày Miễn nhiệm
1	Võ Minh Tân	Thành viên HĐQT		29.05.2020
2	Nguyễn Khắc Hanh	Trưởng ban KTNB		01.12.2020
3	Nguyễn Hoàng Sơn	Trưởng ban KTNB	01.12.2020	
4	Nguyễn Đăng Nhật	Thành viên BKTNB	23.07.2020	
5	Đỗ Trần Văn Hạnh	Thành viên BKTNB	23.07.2020	

(\*) Theo danh sách cổ đông của DBT tại thời điểm ngày 20/03/2020

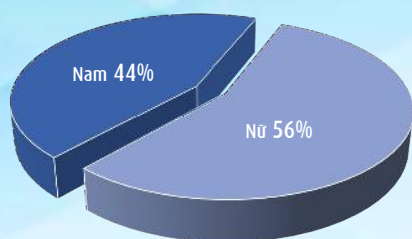
## SỐ LƯỢNG CBCNV, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Số lượng CBCNV

Với qui mô Công ty mẹ và 02 Công ty con, tổng số nhân sự Công ty tính đến thời điểm ngày 31/12/2020 như sau:

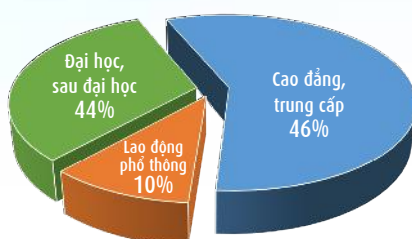
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
<b>A</b>	<b>Phân loại theo giới tính</b>	594	100,00%
1	Nam	263	44%
2	Nữ	331	56%
<b>B</b>	<b>Theo trình độ</b>	594	100,00%
1	Sau đại học, Đại học, cao đẳng	263	44%
2	Trung cấp	272	46%
3	Lao động phổ thông	59	10%
<b>C</b>	<b>Theo tính chất lao động</b>	594	100,00%
1	Bán hàng	198	33%
2	Sản xuất	107	18%
3	Gián tiếp	289	49%

### THEO GIỚI TÍNH



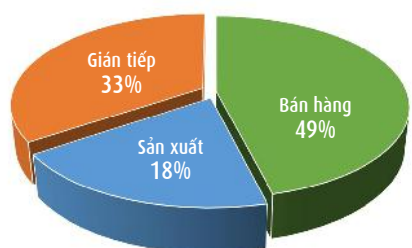
Trong 594 lao động có 263 lao động là nam giới tương ứng với tỷ lệ 44% và 331 lao động là nữ chiếm 56%. Với đặc điểm ngành hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm, với yêu cầu kĩ thuật cao, sự tỉ mỉ để đảm bảo chất lượng hàng hóa nên lao động nữ chiếm ưu thế, đáp ứng nhu cầu lao động, phù hợp với tính chất hoạt động của Công ty.

### THEO TRÌNH ĐỘ



Trong cơ cấu lao động theo trình độ, số lượng lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên và trình độ trung cấp lần lượt là 44% và 46%, còn lại 10% là lao động phổ thông. Công ty hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung ứng thuốc, là lĩnh vực liên quan đến sức khỏe cộng đồng nên cần lượng lao động có trình độ chuyên môn cao, đảm bảo an toàn và kỹ thuật trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

### THEO TÍNH CHẤT LAO ĐỘNG



Theo tính chất lao động: Hoạt động chủ yếu của 02 Công ty con là sản xuất, Công ty mẹ phụ trách phân phối chính, do đó số lượng lao động trực tiếp bán hàng là 198 lao động tương ứng tỷ lệ 33%, sản xuất là 107 lao động tương ứng tỷ lệ 18%, còn lại là 289 lao động gián tiếp chiếm tỷ lệ 49%.



## Chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc: Công ty thực hiện chế độ làm việc 8 giờ/ngày và 44 giờ/tuần.

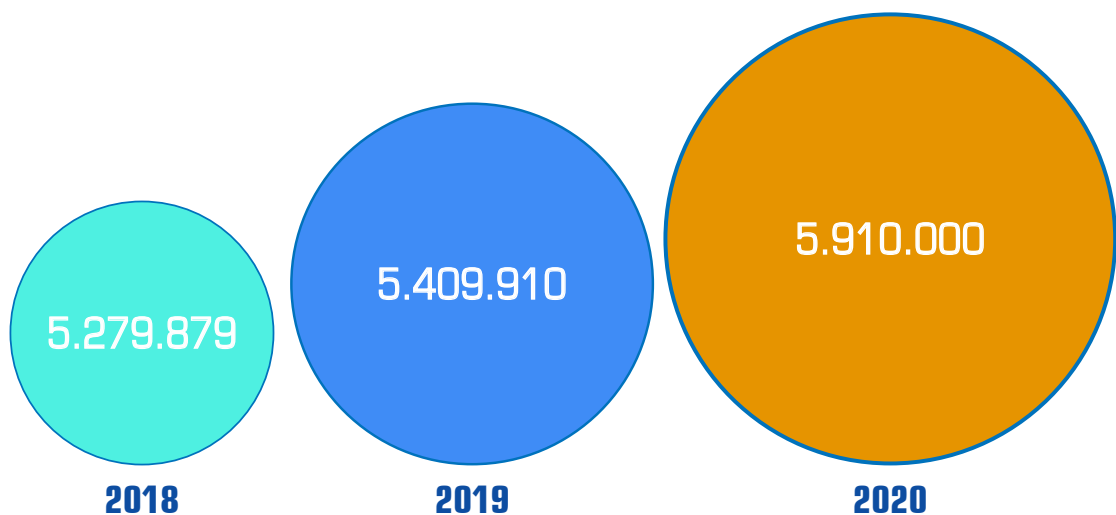
Chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: theo quy định của Luật lao động.

Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp: Công ty thực hiện đóng bảo hiểm bắt buộc 100% cho người lao động.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho cán bộ công nhân viên, áp dụng chế độ định kỳ kiểm tra sức khỏe cho toàn thể CBCNV trong Công ty mỗi năm một lần.

Công ty đã đóng bảo hiểm tai nạn cho 100% cán bộ nhân viên và bảo hiểm nhân thọ cho đội ngũ cán bộ chủ chốt tại công ty qua đó tạo phúc lợi và sự yên tâm công tác cho toàn thể người lao động trong công ty

Thu nhập bình quân đầu người tại Công ty năm 2020 đạt gần 6,4 triệu đồng/tháng. mức lương bình quân của người lao động Công ty qua các năm đều được cải thiện.



Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)

Ngoài chính sách lương, DBT còn có nhiều chính sách khen thưởng đãi ngộ khác nhằm đảm bảo đời sống, sức khỏe, cũng như đời sống tinh thần cho người lao động.

Công ty luôn thực hiện tốt và đầy đủ tất cả chính sách có liên quan đến người lao động, thực hiện chi thưởng, tặng quà cho CBCNV nhân ngày truyền thống ngành và các ngày lễ lớn trong năm.

Định kỳ hàng quý, 6 tháng có đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng vị trí chức danh công việc để khen thưởng theo phân hạng ABCD, tạo sự công bằng trong đánh giá khen thưởng thành tích cho người lao động, thúc đẩy tăng năng suất và hiệu quả làm việc.

### 3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

#### ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Công ty đã hoàn tất chuyển sàn cổ phiếu DBT từ sàn HNX sang HSX.



Chuyển sàn cổ phiếu DBT từ sàn HNX sang sàn HSX ngày 28/10/2020

Trong năm đã phát hành 676.302 cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Tăng vốn điều lệ từ **135 tỷ đồng** lên **142 tỷ đồng**

#### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

##### CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM YÊN BÁI (Công ty con)

Địa chỉ: 725 đường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5200209230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 03/01/2003, thay đổi lần thứ 13 ngày 09/05/2017.

Vốn điều lệ đăng ký: 42.429.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 42.429.000.000 đồng

Ngành nghề: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu

##### Sản phẩm chính:

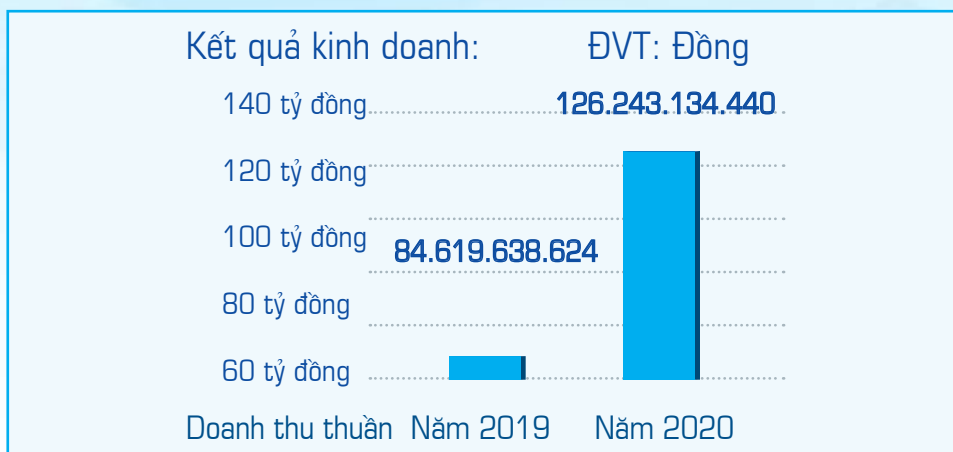
- + Nhóm giải cảm: Cảm xuyên hương, Giải cảm Yên Bái,...
- + Nhóm dạ dày: Bổ tì Y/B, H'Tiên YBA, Folitrat dạ dày,...
- + Nhóm thần kinh: Hoạt huyết dưỡng não, An thần Yên Bái,...
- + Nhóm hô hấp: Thuốc ho thảo dược, Thuốc ho Hygia, Bổ phế tiêu đờm,...
- + Ngoài ra, công ty còn sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thuốc dùng ngoài và các sản phẩm khác.

Vốn góp của DBT tại Ypharco:

34.854.700.000 đồng

Tỷ lệ CP của DBT tại Ypharco:

82,15% Vốn điều lệ



Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 của CTCP Dược phẩm Yên Bái

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẮC XIN VÀ SINH PHẨM NHA TRANG (Công ty con)

Địa chỉ: 26 Hàn Thuyên, P. Xương Huân, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Số 4200451832 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 13/07/2011, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 17/05/2017.

Vốn điều lệ đăng ký: 85.620.000.000 đồng | Vốn điều lệ thực góp: 85.620.000.000 đồng

Ngành nghề: Sản xuất, kinh doanh các loại vắc xin, huyết thanh và các chế phẩm sinh học dùng cho người.

### Sản phẩm chính:

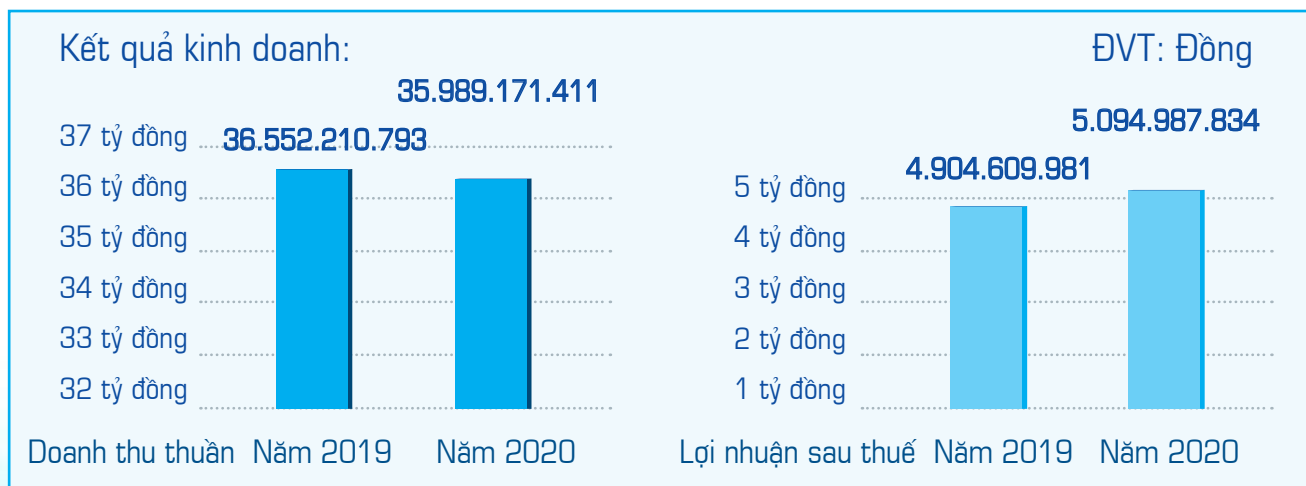
Các sản phẩm thuốc và thực phẩm chức năng chứa men vi sinh, với các dòng sản phẩm chủ lực như EnteroGran, EnteroGolds, Biolac,...

Vốn góp của DBT tại Biopharco:

43.666.800.000 đồng

Tỷ lệ CP của DBT tại Biopharco:

51,00% Vốn điều lệ



Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của CTCP Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

### CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA (Công ty liên kết)

Địa chỉ: 509-515 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300483319 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/08/2010, cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 15/01/2018.

Vốn điều lệ đăng ký: 182.700.000.000đ | Vốn điều lệ thực góp: 182.700.000.000 đồng

Ngành nghề: Kinh doanh dược phẩm, nguyên liệu ngành dược, kinh doanh các mặt hàng dụng cụ y tế, thực phẩm chức năng.

**Sản phẩm/dịch vụ chính:** Nhập khẩu, phân phối dược phẩm, nguyên liệu làm thuốc, sản phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng, thiết bị y tế.

Vốn góp của DBT tại Codupha:

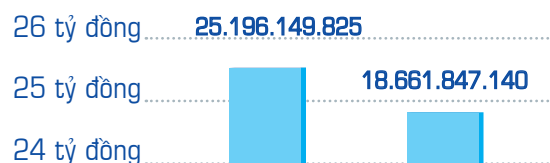
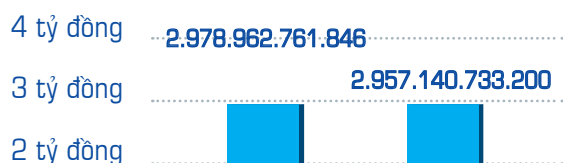
42.269.500.000 đồng

Tỷ lệ CP của DBT tại Codupha:

23,14% Vốn điều lệ

Kết quả kinh doanh:

ĐVT: Đồng



Doanh thu thuần Năm 2018 Năm 2019

Doanh thu thuần Năm 2018 Năm 2019

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 của CTCP Dược phẩm Trung ương Codupha

## 4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

### SỐ LIỆU VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA DBT VÀ HỢP NHẤT

ĐVT: tỷ đồng

3. Chỉ tiêu	Công ty mẹ				Hợp nhất			
	31.12 2018	31.12 2019	Tăng/ giảm	Tỷ lệ %	31.12 2018	31.12 2019	Tăng/ giảm	Tỷ lệ %
Tổng tài sản	654,51	820,23	165,72	125%	713,98	897,61	183,62	126%
+ TS ngắn hạn	450,50	616,92	166,42	137%	543,58	701,64	158,06	129%
+ TS dài hạn	204,01	203,31	(0,70)	100%	170,40	195,97	25,57	115%
Nợ phải trả	471,98	627,76	155,79	133%	476,12	650,38	174,26	137%
Vốn CSH	182,53	192,46	9,93	105%	237,86	247,23	9,36	104%

Nguồn: BCTC của DBT và BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2020

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH DBT

### VỀ TÀI SẢN

Tổng tài sản 03 năm gần nhất từ 2018 – 2020 cho thấy tài sản tăng liên tục, năm 2020 tăng 165,7 tỷ đồng, tương đương 25,3% so với 2019, năm 2019 tăng 111,3 tỷ đồng, tương đương 20,5% so với năm 2018; năm 2018 tăng 8,4 tỷ đồng, tương đương 1,6% so với năm 2017. Xét về mức biến động, năm 2019 có sự gia tăng đáng kể về tài sản ngắn hạn tương đương 166,4 tỷ đồng và tài sản dài hạn giảm tương đương 0,7 tỷ đồng; cụ thể tài sản ngắn hạn tập trung ở hàng tồn kho do đối tác giao lại quyền phân phối một số mặt hàng nhập khẩu đang có thị trường cho Bepharco hiện có hệ thống phân phối đủ lớn; tài sản dài hạn giảm do tăng khấu hao lũy kế.

### VỀ NGUỒN VỐN

Khối tài sản tại ngày 31/12/2020 nêu trên được đầu tư bởi nguồn vốn chủ hơn 192,5 tỷ đồng, từ lợi nhuận để lại và các quỹ; nguồn nợ phải trả hơn 627,8 tỷ đồng, tăng 155,8 tỷ đồng, tương đương tăng hơn 33,0% so với đầu năm.

Chỉ số nợ trên vốn chủ của công ty là 3,26 chỉ số này cho thấy vốn chủ cũng chưa cải thiện nhiều, cần cơ cấu lại danh mục tài sản và các khoản đầu tư đủ sức trang trải cho các khoản nợ tốt hơn; hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2020 là 1,01 và hệ số thanh toán nhanh là 0,38 giảm so với năm 2019, mặc dù hệ số thanh toán nhanh nhỏ hơn 1, nhưng xét thấy khả năng thu hồi công nợ của Công ty vẫn đảm bảo dòng tiền về để chi trả các khoản nợ ngắn hạn tương đối tốt.

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020, dòng tiền thu từ hoạt động kinh doanh tăng so với cùng kỳ là do các biến động từ các khoản phải thu, phải trả, dự phòng, lãi vay và chi khác cho các hoạt động kinh doanh. Với hoạt động kinh doanh, tuy doanh số tăng và tỷ lệ lãi gộp chung biến động nhẹ, nhưng để nhằm để kích cầu, các chương trình hỗ trợ bán hàng được triển khai cũng làm gia tăng chi phí khuyến mãi, quảng cáo,



## 4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tiếp theo)

khiến lợi nhuận sụt giảm. Về hoạt động đầu tư, dòng tiền tăng so với cùng kỳ là do năm 2020 chỉ đầu tư để mua công cụ nợ, ngoài ra không đầu tư tài sản cố định hoặc góp vốn vào đơn vị khác như năm 2019, dòng thu được từ cổ tức và lợi nhuận được chia cũng sụt giảm do tình hình khó khăn chung. Về hoạt động tài chính, dòng tiền giảm do trả nợ gốc các khoản vay thanh toán để nhập hàng số lượng lớn vào cuối năm.

Số dư tiền năm 2020 tăng so với cùng kỳ chủ yếu là từ dòng tiền hoạt động kinh doanh chính, một phần cũng do nguồn thu từ các hoạt động đầu tư. Công ty sẽ tập trung hơn các hoạt động kinh doanh chính để tăng nguồn thu, phòng ngừa rủi ro, cải thiện dòng tiền ngày càng tốt hơn.

### VỀ SỐ LIỆU TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cấu trúc công ty hiện nay gồm Công ty mẹ và 02 công ty con, cùng 01 Công ty liên kết; tỷ lệ sở hữu tại Biopharco là 51%, Ypharco là 82,15% và Codupha là 23,14%.

Trên báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán cũng trình bày chi tiết về giá trị hợp lý của các tài sản, nợ phải trả, lợi thế thương mại của Công ty con,... Nhìn chung, trong năm tài chính, vốn lưu động giảm so với cùng kỳ, công ty sẽ cơ cấu lại danh mục tài sản bổ sung vốn lưu động.

### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
1	Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	1,17	1,12
2	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,54	0,48
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	lần	0,67	0,72
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	2,00	2,63
<b>III</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
1	Vòng quay hàng tồn kho	lần	2,58	1,82
2	Vòng quay tổng tài sản	lần	1,18	1,04
<b>IV</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
1	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	3,26	1,71
2	ROE	%	10,74	5,88
3	ROA	%	3,85	1,77
4	Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/DTT	%	3,68	2,19

Nguồn: Tổng hợp dựa trên BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2020 và năm 2019

## KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Chỉ số này cho thấy khả năng thanh khoản của một doanh nghiệp, là chỉ tiêu để công ty có thể theo dõi tình trạng tài chính trong ngắn hạn. Chỉ tiêu thanh toán ngắn hạn năm 2020 đạt 1,12 cho thấy khả năng thanh toán của Công ty vẫn được duy trì. Tuy nhiên, để đảm bảo đủ nguồn vốn bù đắp cho hoạt động sản xuất kinh doanh nên việc gia tăng nợ vay ngắn hạn tài trợ cho việc nhập khẩu dược phẩm, tích trữ hàng tồn kho đã làm cho hệ số thanh toán nhanh có phần sụt giảm từ 0,54 xuống còn 0,48.

## CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Do đặc thù của ngành thương mại dược phẩm cần nguồn vốn xoay vòng lớn để tồn kho hàng hóa cung ứng cho các khách hàng nên các công ty thương mại thường dùng đòn bẩy tài chính cao và DBT cũng không ngoại lệ. Tổng nợ phải trả năm 2020 theo số liệu hợp nhất là hơn 650 tỷ đồng, tăng 37% so với cùng kỳ năm 2019. Điều này đã làm cho hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng từ 2,00 lên 2,63. Song song với việc huy động vốn từ nợ vay, DBT đã thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược để đáp ứng phần nào cho các nhu cầu tài chính. Công ty dự định tiếp tục huy động vốn theo hình thức chào bán cổ phiếu, trái phiếu nhằm nâng cao năng lực tài chính của Công ty trong thời gian tới.

## CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Chỉ số về năng lực hoạt động của Công ty có xu hướng giảm trong năm 2020. Việc ảnh hưởng từ các chính sách đấu thầu thay đổi và các yếu tố đặc thù ngành khiến lượng hàng tồn kho của Công ty tăng cao, vòng quay hàng tồn kho giảm từ 2,58 lần xuống còn 1,82 lần. Hàng tồn kho tăng cao kéo tổng tài sản tăng hơn 26% nhưng không mang về doanh thu tương xứng đã khiến hiệu suất sử dụng tài sản giảm từ 1,18 lần xuống còn 1,04 lần.

## CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Do có nhiều khó khăn tác động đến Công ty trong năm 2020, việc triển khai các chương trình hỗ trợ bán hàng làm tăng chi phí bán hàng, sử dụng đòn bẩy tài chính làm tăng chi phí lãi vay, dẫn đến các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty được bị giảm xuống. Cụ thể, chi phí tài chính tăng hơn 57%, chi phí bán hàng tăng 27,5% làm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2020 đạt 18,3 tỷ đồng, giảm 36,8% và lợi nhuận sau thuế đạt 14,3 tỷ đồng, giảm 44% so với năm 2019. Công ty đã đề ra các kế hoạch để cải thiện hiệu quả kinh doanh, ứng phó với các khó khăn chung và khó khăn của đặc thù ngành trong năm tới.



## 5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### THÔNG TIN CỔ PHIẾU DBT TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 06/01/2021

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Tổng số chứng khoán niêm yết: 14.205.116 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành: 0 cổ phiếu.

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	<b>Cổ đông trong nước</b>	559	13.695.884	96,42%
1	Cổ đông tổ chức	553	13.603.441	95,76%
2	Cổ đông cá nhân	6	92.443	0,65%
II	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	23	509.232	3,58%
1	Cổ đông tổ chức	12	28.134	0,20%
2	Cổ đông cá nhân	11	481.098	3,39%
	<b>Tổng cộng</b>	582	14.205.116	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông của DBT tại thời điểm ngày 06/01/2021

### 5.3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẴM GIỮ TRÊN 5% VỐN ĐIỀU LỆ

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CCCD/ ĐKDN	Số lượng CP năm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Đậu Thị Thúy Mai	040179000078	2.116.520	14,90%
2	Lê Thị Trúc Linh	046186000317 024115348	1.915.383	14,16%
3	Lê Văn Minh	025260154	1.525.962	10,74%
4	Phạm Thứ Triệu	025898930	1.090.913	7,68%
	<b>Cộng</b>		6.648.778	47,48%

Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 06/01/2021 của CTCP Dược phẩm Bến Tre

## TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

- Trong năm 2020, Công ty thực hiện 01 đợt phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Tên Cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Dược phẩm Bến Tre.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 676.302 cổ phiếu.
- Tổng số lượng vốn huy động: 6.763.020.000 đồng.
- Ngày bắt đầu chào bán: 26/11/2020.
- Ngày hoàn thành đợt chào bán: 15/01/2021.

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có.

## CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có.

## 6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Trong năm, Công ty tiêu thụ trên 410.000 kwh điện và trên 6.000 m<sup>3</sup> nước để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh tại trụ sở, trên tinh thần tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường và nâng cao hiệu quả trong kinh doanh.

Công tác xử lý chất thải luôn được Công ty chấp hành tốt các qui định về bảo vệ môi trường, ký kết hợp đồng với Công ty xử lý chất thải môi trường để định kỳ tiến hành thu gom và xử lý chất thải theo qui định.

Qua các đợt kiểm tra, đánh giá việc chấp hành các qui định về an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường của các cơ quan ban ngành, Công ty luôn đảm bảo tốt các yêu cầu qui định của pháp luật về bảo vệ môi trường, giữ gìn cơ quan xanh sạch đẹp.

Nhằm chia sẻ những thành quả đạt được cho những hoàn cảnh khó khăn, các hoạt động cộng đồng, xã hội, HĐQT Công ty luôn quan tâm các hoạt động tài trợ, khám chữa bệnh từ thiện, cấp phát thuốc cho bệnh nhân nghèo, ủng hộ quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, hỗ trợ công tác phòng chống dịch.

Trong năm qua, trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Công ty đã tài trợ 1500 phần quà cho đội ngũ cán bộ ngành y tế tỉnh Bến Tre trong công tác phòng chống dịch bệnh, trị giá hơn 200 triệu đồng.





## **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Các kế hoạch hoạt động trong năm 2021



3

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

##### TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2020 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với thế giới, trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát đã tác động nặng nề đến mọi mặt kinh tế toàn cầu và kinh tế của nước ta, trực tiếp tác động đến mọi mặt hoạt động của Công ty thời gian qua và tiếp tục ảnh hưởng cho đến hiện nay.

Một số đối tác quan trọng của Công ty thuộc các quốc gia bị phong tỏa do tình hình dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình cung ứng hàng hóa của Công ty. Song song đó, việc triển khai áp dụng một số văn bản pháp lý chuyên ngành đã phần nào tác động trong giai đoạn ngắn hạn đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Từ đó dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh và các chỉ tiêu cơ bản của Công ty đều bị ảnh hưởng, điều đó làm ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty, của cổ đông và cả chế độ chính sách cho người lao động trong năm qua.

Tuy nhiên, với sự sát sao, kịp thời của HĐQT, sự quyết tâm của Ban điều hành và toàn thể

CBCNV, Công ty đã từng bước khắc phục, cải thiện mọi hoạt động để vượt qua mọi khó khăn thử thách, kiểm soát giảm thiểu rủi ro, đảm bảo ổn định hoạt động kinh doanh.

Qua 02 năm thực hiện các mục tiêu kiện toàn mạng lưới, cơ cấu lại tổ chức nhân sự, mặc dù năm 2020, trước những tác động khó lường do tình hình dịch bệnh, thiên tai...nhưng Công ty vẫn bám sát mục tiêu kế hoạch đã đề ra, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong việc thay đổi cơ cấu kiện toàn tổ chức và công tác quản lý điều hành tại Công ty.

Bên cạnh những khó khăn cũng là thời điểm thuận lợi để Công ty đánh giá lại toàn bộ hệ thống, đề ra những quyết sách kịp thời, phù hợp, song song với việc kiện toàn mạng lưới, cũng như tìm kiếm thêm các đối tác chiến lược để đáp ứng nhu cầu đa dạng nguồn hàng, chủ động trong kinh doanh trước tình hình dịch bệnh Covid-19 chưa được khống chế hoàn toàn.



## VỀ HÀNG HÓA VÀ SẢN XUẤT

SẢN PHẨM CHÍNH TRONG KINH DOANH CỦA CÔNG TY CHỦ YẾU LÀ 02 NGUỒN HÀNG CHÍNH LÀ HÀNG SẢN XUẤT VÀ HÀNG NHẬP KHẨU.

### + NGUỒN HÀNG SẢN XUẤT:

Do nhà máy Bepharco và 02 Công ty con (Biopharco, Ypharco) sản xuất, với hơn 50 sản phẩm. Bên cạnh đó còn có nguồn hàng gia công, hàng từ các nhà sản xuất trong nước như Meyer-BPC, Vidipha... với gần 50 mặt hàng.



### + NGUỒN HÀNG NHẬP KHẨU:

Công ty nhập khẩu trực tiếp từ các đối tác tại các nước Châu Âu và Châu Á như Hungary, Ấn Độ, Egis, Richter, Sanavita, Raptakos, Cadilla, Torrent ... hiện đang phân phối hơn 50 mặt hàng.

Trong năm 2020, do tình hình covid phức tạp nên không tổ chức được các hội nghị hội thảo tập trung mà Bepharco phối hợp cùng với đối tác tổ chức nhiều Hội thảo online với những chuyên đề thiết thực.

Năm 2021, Công ty triển khai phân phối thêm các nhóm thực phẩm chức năng, trang thiết bị y tế từ các nước.

Hàng hóa công ty phân phối trải rộng trên 63 tỉnh, thành phố, quản lý và điều hành bởi 7 đơn vị trực thuộc: Chi nhánh TPHCM, Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Đà Nẵng, Chi nhánh Cần Thơ, Chi nhánh Khánh Hòa, Chi nhánh Ninh Bình và Phòng Kinh doanh tại Bến Tre.

Các sản phẩm của Công ty được phân phối đến hơn 21.500 khách hàng, tăng gần 7% so với năm 2019, phát triển mở rộng thêm nhóm khách hàng phòng khám, phòng mạch.

Năm 2020, Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý và phân phối theo hướng tập trung chuyên sâu theo 02 kênh phân phối trong và ngoài hệ điều trị (OTC, ETC), bước đầu nâng cao hiệu quả quản lý và công tác bán hàng.



## 2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	466.570.466.511	628.418.444.274
1	Phải trả người bán ngắn hạn	135.573.039.969	200.404.624.602
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	491.732.713	440.154.188
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.558.071.588	8.000.744.003
4	Phải trả người lao động	3.133.546.332	7.492.667.129
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	18.563.313	4.884.717.148
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	180.000.000	180.000.000
7	Phải trả ngắn hạn khác	4.409.324.211	1.814.199.982
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	317.506.537.769	403.906.829.403
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	699.650.616	1.294.507.819
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	9.549.669.869	21.962.507.000
1	Phải trả người bán dài hạn		
2	Phải trả dài hạn khác	130.500.000	130.500.000
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	8.821.647.000	21.832.007.000
4	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	597.522.869	
	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>476.120.136.380</b>	<b>650.380.951.274</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2020 của CTCP Dược Phẩm Bến Tre

Tính đến thời điểm 31/12/2020, tổng nợ ngắn hạn gần 628 tỷ đồng, tăng 36% so với năm 2019, trong đó vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn và không có nợ quá hạn chưa thanh toán. Công ty chủ yếu vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty.



## CÁC KHOẢN PHẢI THU

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	157.051.575.568	201.323.769.508
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	133.536.655.299	188.234.206.927
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.944.869.042	3.871.332.345
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	10.000.000.000	-
4	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	12.480.535.881	11.355.940.789
5	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(910.484.654)	(2.137.710.553)
6	Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
<b>II</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	3.777.275.515	4.970.414.087
1	Phải thu dài hạn khách hàng	-	-
2	Phải thu dài hạn khác	3.777.275.515	4.970.414.087
<b>KHOẢN PHẢI THU</b>		<b>160.828.851.083</b>	<b>206.294.183.595</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019 và BCTC hợp nhất năm 2020

Khoản phải thu năm 2020 là 201 tỷ đồng, tăng 28,2% so với cùng kỳ, khoản phải thu ngắn hạn các khách hàng chiếm tỷ trọng chi phối khoản 93% tổng khoản phải thu ngắn hạn. Với các chương trình kích cầu bán hàng kênh OTC, và các hợp đồng trúng thầu lớn vào hệ điều trị làm gia tăng thị phần, đưa đến các khoản phải thu khách hàng tăng lên.



### 3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Nhằm bồi dưỡng kỹ năng cho đội ngũ nhân sự, Công ty đã tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng online cho nhân viên toàn hệ thống.

Tổng số nhân sự tại Công ty mẹ gồm 388 người, trong đó:



Tổng số nhân sự toàn hệ thống gồm 594 người, trong đó:



Trong năm 2020, Bepharco đã liên tục tăng cường nhân sự cho khối hỗ trợ như sale admin, marketing để hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh sản phẩm mới.

**Chế độ chính sách cho người lao động:**

- + Thực hiện cơ cấu lại tiền lương, tiền thưởng dựa trên doanh số bán hàng đối với đội kinh doanh OTC

- + Các chế độ chính sách có liên quan đến người lao động luôn được Ban Tổng Giám đốc Công ty quan tâm, thực hiện đúng qui định và cam kết trong Thỏa ước lao động tập thể.

- + Công tác tổ chức khám sức khỏe định kỳ, tặng quà nhân ngày sinh nhật và các ngày lễ lớn trong năm luôn được duy trì, thực hiện tốt, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

**Cơ sở hạ tầng:**

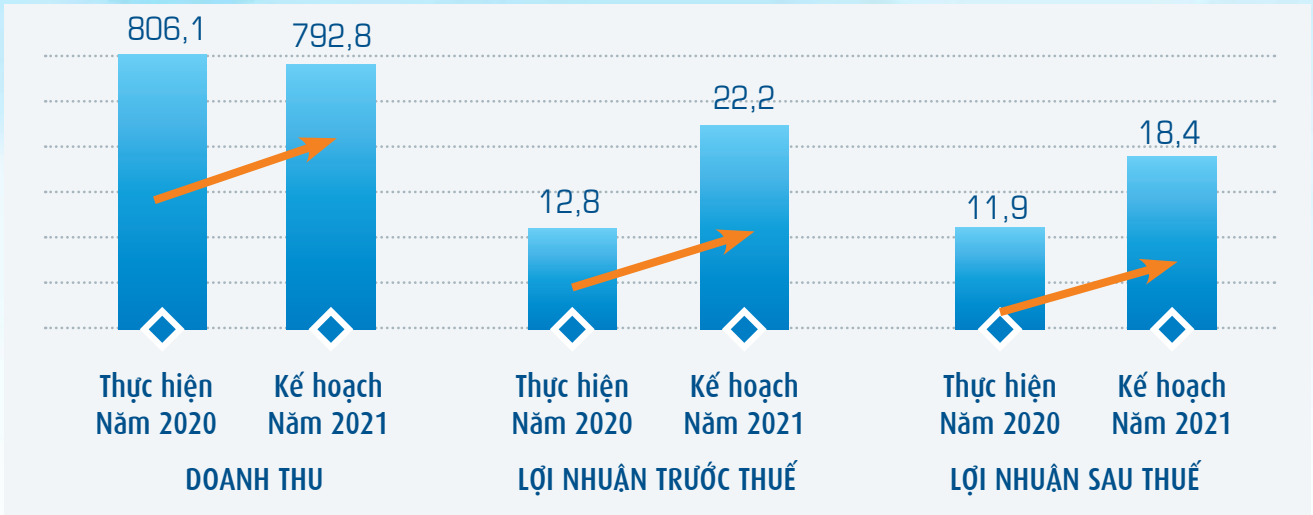
- + Để đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, trong năm Công ty đã thực hiện đầu tư nâng cấp nhà xưởng, hệ thống kho tại các đơn vị trực thuộc, trang bị kho lạnh, tủ mát để bảo quản thuốc, đáp ứng nhu cầu hàng hóa tại 03 miền Bắc – Trung – Nam.

- + Đầu tư thêm hệ thống xe tải, xe lạnh, xe ô tô 7 chỗ để phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hóa và nhu cầu công tác cho khối kinh doanh.

### 4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI CÁC CHỈ TIÊU KINH DOANH

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	TH 2020	KH 2021	% so với TH 2020	TH 2020	KH 2021	% so với TH 2020
Doanh thu	806,1	792,8	98%	836,4	918,2	110%
Lợi nhuận trước thuế	12,8	22,2	173%	17,2	23,5	137%
Lợi nhuận sau thuế	11,9	18,4	155%	14,3	19,4	136%

## CHỈ TIÊU CÔNG TY MẸ



## CÁC KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TRONG NĂM 2021

Năm 2021 là năm tiền đề triển khai sơ đồ tổ chức mới và cơ cấu lại các phòng ban chức năng từ các phòng ban chuyên môn tới các chi nhánh trực thuộc. Tiếp tục hoàn thiện mô hình chi trả lương theo cấu trúc lương 3P, khen thưởng hiệu quả theo KPI, thúc đẩy người lao động nâng cao năng suất hiệu quả làm việc, đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong tình hình mới.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân sự có năng lực tốt, chuyên môn cao để đáp ứng nhu cầu phát triển theo định hướng của tổ chức và cạnh tranh trên thị trường, hướng đến xây dựng đội ngũ tinh nhuệ từ bán hàng đến các khâu hỗ trợ, Song song đó, đẩy mạnh công tác đào tạo về kỹ năng cũng như chuyên môn cho đội ngũ nhân sự từ quản lý đến nhân viên, kết hợp với một số đối tác tiềm năng để đào tạo kiến thức về sản phẩm, kiến toàn đội ngũ bán hàng vững về kỹ năng, am hiểu về sản phẩm và thị trường.

Tiếp tục củng cố hoạt động một số chi nhánh trực thuộc, phát triển các địa bàn đã triển khai trong năm qua, tiếp tục kế hoạch thành lập Chi nhánh Bepharco tại Yên Bái để phát triển địa bàn vùng Tây Bắc, song song đó xem xét việc thành lập các chi nhánh khác nếu xét thấy phù hợp chiến lược kinh doanh.

Tiếp tục mở rộng đầu tư, nghiên cứu, triển khai đăng ký những sản phẩm mới, dựa trên nhu cầu thị trường thông qua kết quả khảo sát trong quá trình kinh doanh, phát huy tối đa công suất của các nhà máy trực thuộc, phát triển đa dạng các nguồn hàng thông qua các đối tác trong và ngoài nước nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn công tác phục vụ điều trị và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Tăng cường tìm kiếm và rà soát các cơ hội đầu tư để làm tham mưu cho Hội đồng quản trị Công ty mở rộng đầu tư, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn vốn và nâng cao năng lực quản lý.

Tiếp tục triển khai xây dựng bộ nhận diện thương hiệu từ Công ty mẹ đến các Công ty con, từ công tác truyền thông đến bộ nhận dạng sản phẩm, thể hiện sự đồng bộ, tính chuyên nghiệp và nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.

Triển khai kế hoạch đầu tư, nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản trị kinh doanh, quản lý bán hàng một cách triệt để, nhằm quản trị cả hệ thống kinh doanh một cách đồng bộ, chuyên nghiệp và phát huy mọi tiềm lực hiện có.

## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các hoạt động của Công ty
2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị



# I. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## 1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm qua tình hình kinh tế trong nước và toàn cầu chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nỗ lực hoàn thành kế hoạch công tác, đưa Công ty phát triển theo đúng định hướng Hội đồng quản trị, Đại hội Cổ đông đã đề ra.

Hội đồng quản trị luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp Ban Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả theo Nghị quyết HĐQT và Nghị quyết ĐHCĐ đề ra.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nỗ lực để triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do Đại hội Cổ đông đề ra, doanh thu đạt 806 tỷ đồng, đạt 99% kế hoạch và chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận trước thuế đạt 12,8 tỷ đồng, đạt 38% kế hoạch, nguyên nhân chính là do:

- Ảnh hưởng kéo dài của dịch bệnh tập trung trong Quý 1 và sau đó tác động của đợt dịch bệnh trong tháng 7 - 08 khu vực miền Trung và một số khu vực khác (quy mô nhỏ) trong Quý 3 đã làm gián đoạn nhiều hoạt động kinh doanh của DBT, đặc biệt là công tác bán ETC ở nhóm các bệnh viện trung ương. Hệ thống bán hàng OTC cũng ảnh hưởng do người dân thực hiện giãn cách xã hội trong thời gian kéo dài.
- Tình hình cạnh tranh về giá tiếp tục diễn ra hết sức gay gắt. Trên thực tế, giá nhóm hàng nhập khẩu đang có xu hướng tăng do API toàn thế giới tăng trong cả hai năm 2019-2020 làm cho giá hàng nhập khẩu tăng lên. Trong khi đó, chính phủ kiểm soát giá bán chặt chẽ và hầu như không chấp thuận tăng giá cho năm 2020. Do vậy, biên lợi nhuận không những không tăng mà còn giảm.



■ Việc chuẩn bị hàng hóa (để tập trung nhóm hàng hóa mới – Egis) và triển khai một số mẫu sản phẩm mới (Sanavita) làm gia tăng chi phí lãi vay và chi phí tiếp thị hàng hóa. Mặc dù các hoạt động bán hàng của các sản phẩm mới sẽ mang lại lợi ích cho Công ty trong tương lai, nhưng các lợi ích này sẽ được phân bổ đều cho các năm tới đây.

HĐQT đánh giá cao vai trò của Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trong điều kiện kinh doanh của thị trường ngày càng khó khăn.

Trong công tác điều hành, Ban Tổng Giám đốc đã kịp thời báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh Công ty để Hội đồng Quản trị nhận định, đánh giá và có sự hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời.

Đã thực hiện cơ cấu sắp xếp lại nhân sự một số phòng ban chức năng, cơ cấu quản lý các lĩnh vực chuyên môn theo hệ thống dọc từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc, thực hiện chi trả lương 3P toàn Công ty theo hiệu quả công việc, đảm bảo nhu cầu hoạt động và phát triển của Công ty.

Công tác đầu tư nghiên cứu sản xuất những sản phẩm mới, cũng như công tác nghiên cứu, đánh giá và mở rộng thị trường chưa được triển khai thực hiện đạt mức kỳ vọng của Hội đồng quản trị.





## 2. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH, KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	% so với TH 2020	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	% so với TH 2020
Doanh thu	Tỷ đồng	806,1	792,8	98%	836,4	918,2	110%
LN trước thuế	Tỷ đồng	12,8	22,2	173%	17,2	23,5	137%
LN sau thuế	Tỷ đồng	11,9	18,4	155%	14,3	19,4	136%
Dự kiến cổ tức và các khoản thưởng, phân phối khác	%		7%	20%(*)			

(\*) Chi bằng tiền hoặc cổ phiếu, tối thiểu 7% bằng tiền.

### MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU TẠO CƠ CẤU CHUYỂN ĐỔI CỦA DBT ĐƯỢC CÂN ĐỐI VÀ HIỆU QUẢ HƠN

Cân đối các mặt hàng và thúc đẩy bán hàng trực tiếp: mở rộng OTC và hoạt động ETC theo hướng các chi nhánh tập trung vào kinh doanh mở rộng hàng sản xuất, đặc biệt là mặt hàng đông dược và nhập khẩu trực tiếp.

Tăng vòng quay hàng hóa và giảm tỷ lệ nợ vay trên vốn điều lệ xuống dưới 2 lần.

Rà soát các nhóm thuốc và thực hiện tạo lập lại danh mục thuốc hiệu quả. Phân cấp quản lý và giao kế hoạch xuống các chi nhánh, chi tiết cho cả hàng hóa OTC và ETC. Thực hiện rà soát kế hoạch theo từng tháng và theo quý. Quyết liệt cấu trúc lại các chi nhánh nếu công tác bán hàng yếu kém không theo kịp kế hoạch của Công ty. Thực hiện đưa doanh thu OTC hướng đến tỷ lệ 60%, trong đó tỷ lệ doanh thu từ khách hàng là Phòng khám trong nhóm OTC là trên 20%.

Thực hiện thành lập các chi nhánh ở các thành phố lớn theo các trục kinh tế, đặc biệt là các thành phố có dân số từ 500.000 dân trở lên.

Mở rộng ít nhất 2 đối tác nhập khẩu mới.

Đăng ký thuốc (sản xuất/nhập khẩu): có 20 số đăng ký mới.

## CÔNG TÁC TỔ CHỨC, NHÂN SỰ

Tăng cường hợp tác với các đối tác, chuyên gia trong ngành để tiếp tục mở rộng sản phẩm chủ lực, đặc biệt là nhóm hàng sản xuất và nhập khẩu trực tiếp, kiện toàn cấu trúc vận hành tại Trụ sở chính.

Thành lập Chi nhánh tại Yên Bái để mở rộng thị trường phía Tây Bắc, Chi nhánh Việt Trì, Vĩnh Yên, Quảng Ninh, Hải Phòng, Vinh, Thanh Hóa.

Tiếp tục cơ cấu nhân sự phù hợp nhu cầu chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành theo hướng tập trung chuyên sâu. Quản lý nhân sự theo hướng: bán buôn sẽ tập trung điều hành từ Hội sở chính, bán lẻ sẽ tập trung điều hành theo khu vực.

Cải tiến hệ thống KPI để áp dụng triệt để việc chi trả lương theo mức độ hoàn thành công việc cho từng vị trí chức danh theo hệ thống, nhằm tăng hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

## KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Thực hiện kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, phát hành trái phiếu nhằm bổ sung nguồn vốn kinh doanh, đáp ứng nhu cầu mở rộng thị trường, tạo sự ổn định nguồn vốn kinh doanh trong thời gian tới.

Triển khai đầu tư mở rộng nhà máy tại các công ty con để tận dụng hiệu quả lợi thế theo quy mô và mở rộng sang nhóm sản phẩm khác; cơ cấu lại các khoản đầu tư sau khi đánh giá lại hiệu quả nếu không có tiềm năng cho hoạt động kinh doanh chính; tăng cường tìm kiếm đối tác, doanh nghiệp sản xuất mới để mở rộng đầu tư, sáp nhập nhằm phát huy tối đa lợi thế sản xuất kinh doanh.

Định hướng cơ cấu nhóm sản xuất thành những Công ty con bao gồm công ty con tại Bến Tre, từ hoạt động sản xuất tại Bến Tre nhằm hoàn thiện mô hình Công ty mẹ tập trung phân phối.

Tăng cường đầu tư hệ thống kho tại Bepharco và các chi nhánh trực thuộc, cũng như hệ thống Logistic để phục vụ cho việc kinh doanh của Công ty và làm dịch vụ cho các đơn vị khác trong ngành.







## **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

1. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

- Ban kiểm toán bộ thực hiện tốt công tác kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty, công tác tổ chức đại hội cổ đông thường niên, thực hiện chi tạm ứng cổ tức năm 2020, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu, mọi hoạt động được tuân thủ đúng theo Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và các qui định pháp lý hiện hành.
- Xem xét, rà soát, kiểm tra việc chấp hành chế độ hạch toán kế toán, quản lý tài sản của công ty; các báo cáo của kiểm toán độc lập để có những ý kiến nhận xét, kiến nghị về những vấn đề kiểm soát nội bộ.

#### HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THƯ KÝ

- Thực hiện công bố thông tin bất thường và định kỳ theo yêu cầu của Sở Giao dịch Chứng khoán và Ủy ban chứng khoán Nhà nước đúng thời gian qui định.
- Thực hiện ghi chép, lưu trữ các biên bản họp Hội đồng quản trị.
- Tổ chức thành công đại hội cổ đông thường niên cho năm tài chính 2019 vào tháng 5/2020.
- Hoàn tất hồ sơ chi tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu.

### 2. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện 23 cuộc họp, ban hành 23 nghị quyết, tất cả thành viên HĐQT đều tham dự họp đạt tỷ lệ tham dự theo qui định. Tất cả các cuộc họp đều có sự tham dự của thành viên Ban KTNB.

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1.	Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch	21/23	91% (*)
2.	Ông Vũ Quang Đông	Phó Chủ tịch	23/23	100%
3.	Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên	23/23	100%
4.	Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên	23/23	100%
5.	Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	23/23	100%
6.	Ông Lê Vinh Danh	Thành viên	19/23	82% (*)

(\*) Bận công tác xa nên không tham dự họp đầy đủ, tham dự trực tuyến, ủy quyền tham dự

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1		07/01/2020	Thống nhất vay vốn tại Vietinbank CN 4 TPHCM
2	01/14.01/NQ-HĐQT	14/01/2020	Thống nhất miễn nhiệm ông Võ Minh Tân Phó TGD Công ty
3	02/14.01/NQ-HĐQT	14/01/2020	Thống nhất bổ nhiệm ông Nguyễn Thiện Nhân Trưởng phòng TCKT
4	01/10.02/NQ-HĐQT	10/02/2020	Thống nhất thành lập phòng Kho và bổ nhiệm cán bộ chủ chốt
5	01/25.02/NQ-HĐQT	25/02/2020	Thống nhất chốt DS cổ đông và tổ chức ĐHĐCĐ TN 2019 vào ngày 10/04/2020
6		30/03/2020	Thống nhất vay vốn tại Techcombank
7		30/03/2020	Thống nhất vay vốn tại MB – Chi nhánh Bến Tre
8	01/30.03/NQ-HĐQT	30/03/2020	Thống nhất thay đổi ngày tổ chức ĐHĐCĐ TN 2019 sang ngày 24/04/2020
9	01/08.04/NQ-HĐQT	08/04/2020	Thống nhất kế hoạch kinh doanh năm 2020 dự kiến và thông qua dự thảo tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
10	01/30.03/NQ-HĐQT	16/04/2020	Thống nhất gia hạn ngày tổ chức ĐHĐCĐ TN 2019 dự kiến tổ chức trong quý 2/2020
11	01/24.04/NQ-HĐQT	24/04/2020	Thống nhất vay vốn tại Vietcombank CN Phú Nhuận
12	01/05.05/NQ-HĐQT	05/05/2020	Thống nhất chọn ngày tổ chức ĐHĐCĐ TN 2019 vào ngày 29/05/2020
13		25/05/2020	Thống nhất điều chỉnh giới hạn tín dụng tại Vietinbank – CN Bến Tre
14	01/12.06/NQ-HĐQT	12/06/2020	Thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020
15		15/06/2020	Thống nhất giới hạn tín dụng năm 2020 tại Vietinbank
16	01/24.06/NQ-HĐQT	24/06/2020	Thống nhất phân quyền cho các Thành viên HĐQT
17	02/24.06/NQ-HĐQT	24/06/2020	Thống nhất ủy quyền Tổng Giám đốc ký kết các HĐMB với tổ chức có liên quan đến người nội bộ
18	01/23.07/NQ-HĐQT	23/07/2020	Thống nhất bổ nhiệm 02 thành viên Ban kiểm toán nội bộ
19	01/20.08/NQ-HĐQT	20/08/2020	Thống nhất chuyển sàn cổ phiếu DBT từ sàn HNX sang HSX
20	01/19.10/NQ-HĐQT	19/10/2020	Thống nhất chọn ngày giao dịch đầu tiên và giá tham chiếu cho cổ phiếu DBT chào sàn HSX
21	01/27.10/ NQ-HĐQT	27/10/2020	Thống nhất công tác nhân sự
22	02/27.10/ NQ-HĐQT	27/10/2020	Thống nhất kế hoạch công tác quý 4/2020
23	01/26.11/NQ-HĐQT	26/11/2020	Thống nhất thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

### 3. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi của cổ đông và của công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập luôn tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập luôn tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị tổ chức.

### 4. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Công ty áp dụng chế độ thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm toán nội bộ theo tỷ lệ chi đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Mức chi thù lao cho Hội đồng Quản trị năm 2020 đã chi 1,36 tỷ đồng, bình quân 18,9 triệu đồng/người/tháng.

Tiền lương, thưởng và các khoản lợi ích khác của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2020 là 5,05 tỷ đồng, bình quân 38,3 triệu đồng/người/tháng.

## 5. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Lý do tăng, giảm
1	Lê Văn Minh	1.025.000	1.453.298	Mua thêm cổ phiếu

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán.
- Đường link đăng tải toàn văn Báo cáo tài chính của DBT năm 2020 đã được kiểm toán:  
<http://bepharco.com/quan-he-co-dong/>

Ngày 20 tháng 4 năm 2021

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CÔNG TY**



PHAM THỨ TRIỆU





# VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán.

Đường link đăng tải toàn văn  
Báo cáo tài chính của DBT năm 2020 đã được kiểm toán

<http://bepharco.com/quan-he-co-dong/>

# **Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 48

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNDKKD") số 1300382591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bến Tre cấp ngày 05 tháng 7 năm 2004, và các Giấy CNDKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 657/QĐ-SGDHN do HNX ban hành ngày 19 tháng 10 năm 2009. Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 428/QĐ-SGDHN ban hành bởi HOSE vào ngày 4 tháng 8 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") là buôn bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê kho bãi và mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Văn phòng đại diện tại số 11, Đường Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Tầng 8, Tòa nhà Văn phòng Viwaseen, Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;
- Số 51 Đường 1B, Phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình;
- Lô A3-28 và A3-29, Đường Nguyễn Chí Diểu, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng;
- Thôn Hòn Nghê, Đường Nguyễn Xiển, Xã Vĩnh Ngọc, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa;
- Số 91/21A, Đường Cánh Mạng Tháng 8, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ; và
- Số 7 Đường 29/3, Khu phố 3, Thị trấn Ba Tri, Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch	
Ông Vũ Quang Đông	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên	
Ông Võ Minh Tân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2020
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	
Ông Lê Vĩnh Danh	Thành viên	

### TIỂU BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiểu ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Khắc Hanh	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2020
Ông Nguyễn Đăng Nhật	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2020
Bà Đỗ Trần Văn Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2020

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Thứ Triệu	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2020
Ông Võ Minh Tân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Thanh Phượng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Triệu Văn Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch
Ông Phạm Thứ Triệu	Tổng Giám đốc

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính của Nhóm Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc.



Phạm Thứ Triệu  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Số tham chiếu: 61607262/22094923/FN - HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 30 tháng 3 năm 2020.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



---

Trần Nam Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3021-2019-004-1



---

Ngô Thị Thúy Hòa  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 4171-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>701.638.384.392</b>	<b>543.581.411.753</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>31.642.636.528</b>	<b>31.784.441.041</b>
111	1. Tiền		18.642.636.528	21.784.441.041
112	2. Các khoản tương đương tiền		13.000.000.000	10.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>50.317.960.204</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		55.000.000.000	50.317.960.204
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>201.323.769.508</b>	<b>157.051.575.568</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	188.234.206.927	133.536.655.299
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	3.871.332.345	1.944.869.042
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	10.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	11.355.940.789	12.480.535.881
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(2.137.710.553)	(910.484.654)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>397.312.526.827</b>	<b>290.675.870.633</b>
141	1. Hàng tồn kho		402.285.973.389	291.464.806.073
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.973.446.562)	(788.935.440)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>16.359.451.529</b>	<b>13.751.564.307</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	834.291.025	554.125.216
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	15.525.160.504	13.056.703.510
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	18	-	140.735.581

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>195.967.918.462</b>	<b>170.402.873.065</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>	<b>8</b>	<b>4.970.414.087</b>	<b>3.777.275.515</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		4.970.414.087	3.777.275.515
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>79.936.073.735</b>	<b>83.386.179.386</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	75.488.113.759	79.384.180.296
222	Nguyên giá		181.001.403.201	172.941.574.026
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(105.513.289.442)	(93.557.393.730)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	4.447.959.976	4.001.999.090
228	Nguyên giá		6.596.578.777	6.198.788.777
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.148.618.801)	(2.196.789.687)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>13</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
231	1. Nguyên giá		52.826.363	52.826.363
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(52.826.363)	(52.826.363)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>5.449.091.839</b>	<b>1.136.496.296</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.449.091.839	1.136.496.296
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>15</b>	<b>54.413.292.779</b>	<b>55.213.913.039</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		54.413.292.779	55.213.913.039
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>51.199.046.022</b>	<b>26.889.008.829</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	43.193.320.437	19.798.676.849
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	3.387.860.862	1.713.077.689
269	3. Lợi thế thương mại	16	4.617.864.723	5.377.254.291
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>897.606.302.854</b>	<b>713.984.284.818</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>650.380.951.274</b>	<b>476.120.136.380</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>628.418.444.274</b>	<b>466.570.466.511</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	200.404.624.602	135.573.039.969
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		440.154.188	491.732.713
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	8.000.744.003	4.558.071.588
314	4. Phải trả người lao động		7.492.667.129	3.133.546.332
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	4.884.717.148	18.563.313
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		180.000.000	180.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác		1.814.199.982	4.409.324.211
320	8. Vay ngắn hạn	20	403.906.829.403	317.506.537.769
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.294.507.819	699.650.616
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>21.962.507.000</b>	<b>9.549.669.869</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		130.500.000	130.500.000
338	2. Vay dài hạn	20	21.832.007.000	8.821.647.000
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.3	-	597.522.869
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>247.225.351.580</b>	<b>237.864.148.438</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>247.175.351.580</b>	<b>237.814.148.438</b>
411	1. Vốn cổ phần	21.1	135.288.140.000	135.288.140.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		135.288.140.000	135.288.140.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	21.1	433.056.160	433.056.160
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	21.1	895.826.918	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	21.1	9.354.804.815	9.354.804.815
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	21.1	2.536.822.093	2.536.822.093
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.1	42.615.082.389	35.709.307.160
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		31.310.437.024	27.695.043.861
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		11.304.645.365	8.014.263.299
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21.6	56.051.619.205	54.492.018.210
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí</b>		<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
431	1. Nguồn kinh phí		50.000.000	50.000.000
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>897.606.302.854</b>	<b>713.984.284.818</b>

Nguyễn Thị Thanh Giang  
Người lập

Nguyễn Khắc Hạnh  
Kế toán trưởng

Phạm Thứ Triệu  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	843.390.439.358	793.588.502.985
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(6.980.269.694)	(7.306.038.372)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	836.410.169.664	786.282.464.613
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(624.734.267.638)	(599.037.011.125)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		211.675.902.026	187.245.453.488
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	9.857.622.736	8.907.580.622
22	7. Chi phí tài chính	24	(26.760.271.692)	(16.969.597.574)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(23.842.446.048)	(15.183.926.131)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	15	4.314.917.461	5.927.693.372
25	9. Chi phí bán hàng	25	(133.411.871.093)	(105.427.539.394)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(47.400.418.508)	(50.785.299.003)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		18.275.880.930	28.898.291.511
31	12. Thu nhập khác	26	1.700.602.192	2.564.294.204
32	13. Chi phí khác	26	(2.823.706.608)	(401.647.697)
40	14. (Lỗ) lợi nhuận khác	26	(1.123.104.416)	2.162.646.507
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.152.776.514	31.060.938.018
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(5.162.431.500)	(5.629.894.636)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	2.272.306.042	208.540.479
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		14.262.651.056	25.639.583.861
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		11.304.645.365	22.243.899.808
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		2.958.005.691	3.395.684.053

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

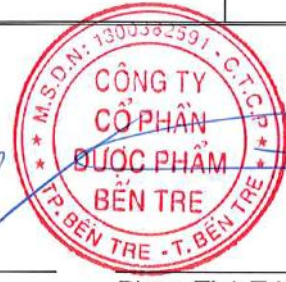
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.5	783	1.650
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.5	783	1.650



Nguyễn Thị Thanh Giang  
Người lập



Nguyễn Khắc Hành  
Kế toán trưởng



Phạm Thứ Triệu  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>17.152.776.514</b>	<b>31.060.938.018</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	11, 12, 16	12.667.114.394	14.095.146.120
03	Dự phòng		5.594.054.965	166.459.029
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	24	1.264.189.604	365.540.309
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(8.672.074.247)	(10.867.095.121)
06	Chi phí lãi vay	24	23.842.446.048	15.183.926.131
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>51.848.507.278</b>	<b>50.004.914.486</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(53.632.339.483)	10.505.165.651
10	Tăng hàng tồn kho		(111.003.485.260)	(117.251.924.651)
11	Tăng các khoản phải trả		69.414.765.541	2.572.347.645
12	Tăng chi phí trả trước		(23.674.809.397)	(86.698.469)
14	Tiền lãi vay đã trả		(23.331.020.748)	(15.165.362.818)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(1.791.866.624)	(4.668.241.898)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.144.860.687)	(5.188.360.426)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(93.315.109.380)</b>	<b>(79.278.160.480)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(13.906.711.014)	(8.295.106.305)
22	Tiền thu do nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	10.327.272.727
23	Tiền mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(6.000.000.000)	(44.500.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		11.317.960.204	21.439.311.029
25	Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác		-	(18.214.800.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	4.310.623.264
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia		3.688.172.263	7.093.241.382
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(4.900.578.547)</b>	<b>(27.839.457.903)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	12.038.200.000
32	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu		-	(97.850.000)
33	Tiền thu từ đi vay	20	828.114.445.766	697.475.786.641
34	Tiền trả nợ gốc vay	20	(728.703.794.132)	(592.327.458.899)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	21.3	(68.443.245)	(23.308.171.600)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(1.241.661.051)	(837.060.067)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>98.100.547.338</b>	<b>92.943.446.075</b>
<b>50</b>	<b>Giảm tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm</b>		<b>(115.140.589)</b>	<b>(14.174.172.308)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>31.784.441.041</b>	<b>45.955.511.248</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(26.663.924)	3.102.101
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>31.642.636.528</b>	<b>31.784.441.041</b>



Nguyễn Thị Thanh Giang  
Người lập



Nguyễn Khắc Hạnh  
Kế toán trưởng



Phạm Thứ Triệu  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2021



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNDKKD") số 1300382591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bến Tre cấp ngày 05 tháng 7 năm 2004, và các Giấy CNDKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 657/QĐ-SGDHN do HNX ban hành ngày 19 tháng 10 năm 2009. Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 428/QĐ-SGDHN do HOSE ban hành vào ngày 4 tháng 8 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") là mua bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Văn phòng đại diện tại số 11, Đường Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Tầng 8, Tòa nhà Văn phòng Viwaseen, Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;
- Số 51 Đường 1B, Phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình;
- Lô A3-28 và A3-29, Đường Nguyễn Chí Diểu, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng;
- Thôn Hòn Nghê, Đường Nguyễn Xiển, Xã Vĩnh Ngọc, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa;
- Số 91/21A, Đường Cánh Màng Tháng 8, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ; và
- Số 7 Đường 29/3. Khu phố 3, Thị trấn Ba Tri, Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 610 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2019: 561).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 2 công ty con và 1 công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
<b>Công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Đang hoạt động	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm	82,15	82,15
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Đang hoạt động	Sản xuất, kinh doanh hóa dược, dược phẩm, dược liệu	51,00	51,00
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Đang hoạt động	Kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	23,14	23,14

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Nhóm Công ty sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |   |   |
|---|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng mua đang đi đường và hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang                    | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trong đó, hàng hóa có thời hạn sử dụng dưới 6 tháng có phần giá trị dự kiến bị tổn thất bằng giá gốc.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	45 - 48 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	10 năm
-------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước;
- ▶ Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản cố định;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Quyền phân phối sản phẩm.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm các số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo thông báo số 1893/TB-CCT ký với Cục Thuế Tỉnh Bến Tre vào ngày 9 tháng 10 năm 2018 trong thời hạn 27 năm 4 tháng, thông báo số 1732/TB-CT ký với Cục Thuế Tỉnh Bến Tre vào ngày 27 tháng 7 năm 2018 trong thời hạn 27 năm 6 tháng và công văn số 3279/CV-NVDTPC ký với Cục Thuế Tỉnh Yên Bái vào ngày 18 tháng 9 năm 2020 trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)**

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

**3.13 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản mục tài sản và nợ phải trả của công ty con ở nước ngoài trong Nhóm Công ty được chuyển đổi sang VND sử dụng tỷ giá vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản mục thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá trung bình trong năm kế toán, trừ trường hợp tỷ giá biến động mạnh trong năm thì dùng tỷ giá tại thời điểm phát sinh các giao dịch. Chênh lệch tỷ giá, nếu có, được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái ở khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (được phân bổ tương ứng cho các cổ đông không kiểm soát).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

▶ *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Nguồn kinh phí cho hoạt động của Hội đồng Quản trị.

**3.17 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.18 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.20 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty mua bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê kho bãi và mặt bằng. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm, dịch vụ mà Nhóm Công ty cung cấp hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.21 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	14.794.990.916	20.098.265.245
Tiền mặt	3.847.645.612	1.686.175.796
Các khoản tương đương tiền (*)	13.000.000.000	10.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.642.636.528</b>	<b>31.784.441.041</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các Ngân hàng Thương mại có thời hạn gốc dưới ba tháng và được hưởng tiền lãi với lãi suất từ 2,9% đến 5,5%/năm.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	37.000.000.000	37.000.000.000	35.317.960.204	35.317.960.204
Trái phiếu (**)	18.000.000.000	18.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>50.317.960.204</b>	<b>50.317.960.204</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (tiếp theo)**

(\*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các Ngân hàng Thương mại có kỳ hạn gốc mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 4,9%/năm đến 6,4%/năm. Một khoản tiền gửi trị giá 3.000.000.000 VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương - Chi nhánh Phú Nhuận đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 20.1).

(\*\*) Đây là 1.500 trái phiếu với mệnh giá 10.000.000 VND/ trái phiếu có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất là lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm và 30.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/ trái phiếu có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất là lãi suất tham chiếu + 1,1%/năm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam. Toàn bộ khoảng trái phiếu này đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 20.1).

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	117.268.767	184.343.715
Các bên khác	188.116.938.160	133.352.311.584
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>188.234.206.927</b>	<b>133.536.655.299</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.137.710.553)	(910.484.654)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>186.096.496.374</b>	<b>132.626.170.645</b>

Toàn bộ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các Ngân hàng Thương mại (Thuyết minh số 20.1).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	910.484.654	1.342.203.908
Dự phòng trích lập trong năm	1.359.209.694	7.085.965
Xóa sổ	(109.444.390)	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(22.539.405)	(438.805.219)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.137.710.553</b>	<b>910.484.654</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	550.200.000	550.200.000
Các bên khác	3.321.132.345	1.394.669.042
Công ty Cổ phần Quốc tế Đông Dương	1.492.667.860	-
Công ty TNHH Vinaepoxy Việt Nam	569.945.000	-
Khác	1.258.519.485	1.394.669.042
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.871.332.345</b>	<b>1.944.869.042</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>11.355.940.789</b>	<b>12.480.535.881</b>
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	3.940.568.270	6.898.821.504
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 29</i> )	2.958.865.000	615.449.888
Tạm ứng cho nhân viên	2.510.282.774	3.674.151.292
Các khoản chi hộ	1.264.292.144	681.435.800
Lãi ngân hàng dự thu	305.221.920	481.627.397
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	140.369.081	79.050.000
Khác	236.341.600	50.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>4.970.414.087</b>	<b>3.777.275.515</b>
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	3.504.014.087	2.116.876.035
Đặt cọc thuê mặt bằng	1.140.000.000	1.140.000.000
Ký quỹ bồi thường giải phóng mặt bằng	230.000.000	238.221.000
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 29</i> )	-	95.938.480
Khác	96.400.000	186.240.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.326.354.876</b>	<b>16.257.811.396</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa (*)	366.701.290.926	(4.973.446.562)	263.069.522.630	(788.935.440)
Nguyên liệu, vật liệu	15.390.649.802	-	10.987.123.874	-
Hàng đang đi trên đường	13.903.136.097	-	13.112.193.956	-
Thành phẩm	5.361.808.492	-	1.773.791.578	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	922.978.049	-	2.485.277.649	-
Hàng gửi đi bán	4.935.645	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	1.174.378	-	36.896.386	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>402.285.973.389</b>	<b>(4.973.446.562)</b>	<b>291.464.806.073</b>	<b>(788.935.440)</b>

(\*) Hàng tồn kho (dược phẩm các loại) đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty tại các Ngân hàng Thương mại (*Thuyết minh số 20.1*).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	788.935.440	441.426.065
Dự phòng trích lập trong năm	11.704.430.861	598.178.283
Sử dụng và bán trong năm	(7.337.601.795)	-
Xuất hủy trong năm	(182.317.944)	(250.668.908)
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.973.446.562</b>	<b>788.935.440</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>834.291.025</b>	<b>554.125.216</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	605.584.070	265.839.519
Chi phí mua bảo hiểm	70.129.387	34.017.873
Chi phí sửa chữa và bảo trì	67.555.515	92.895.666
Khác	91.022.053	161.372.158
<b>Dài hạn</b>	<b>43.193.320.437</b>	<b>19.798.676.849</b>
Tiền thuê đất trả trước (*)	35.782.820.570	11.296.405.098
Chi phí hợp tác kinh doanh (**)	4.836.597.202	5.516.264.241
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.553.067.285	1.273.102.441
Quyền phân phối sản phẩm	583.333.333	1.166.666.667
Chi phí sửa chữa, cải tạo kho bãi và văn phòng	333.503.906	219.531.496
Khác	103.998.141	326.706.906
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>44.027.611.462</b>	<b>20.352.802.065</b>

(\*) Các quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre và tỉnh Yên Bái đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty tại các Ngân hàng Thương mại (Thuyết minh số 20.1).

(\*\*) Đây là giá trị còn lại của chi phí hợp tác kinh doanh không hoàn lại theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ký với Công ty Cổ phần Sơn – Chất dẻo ngày 6 tháng 11 năm 2017 nhằm phục vụ các hoạt động kinh doanh chính. Chi phí này được Nhóm Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm từ tháng 1 năm 2018.

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					VND
Số đầu năm	85.301.233.373	62.247.557.247	17.087.082.878	8.305.700.528	172.941.574.026
Mua trong năm	-	6.628.856.547	-	50.909.091	6.679.765.638
Đầu tư XDCB hoàn thành	823.771.537	556.292.000	-	-	1.380.063.537
Số cuối năm	86.125.004.910	69.432.705.794	17.087.082.878	8.356.609.619	181.001.403.201
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	8.165.791.268	26.604.697.001	5.312.286.243	6.649.894.437	46.732.668.949
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(32.438.292.250)	(45.199.501.365)	(8.694.700.150)	(7.224.899.965)	(93.557.393.730)
Khấu hao trong năm	(4.712.493.438)	(5.438.579.989)	(1.378.779.570)	(426.042.715)	(11.955.895.712)
Số cuối năm	(37.150.785.688)	(50.638.081.354)	(10.073.479.720)	(7.650.942.680)	(105.513.289.442)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	52.862.941.123	17.048.055.882	8.392.382.728	1.080.800.563	79.384.180.296
Số cuối năm	48.974.219.222	18.794.624.440	7.013.603.158	705.666.939	75.488.113.759
<b>Trong đó:</b>					
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 20.1 và 20.3)	37.507.429.411	2.985.497.187	-	-	40.492.926.598

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Nhãn hiệu hàng hóa	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	4.302.988.457	1.895.800.320	-	6.198.788.777
Mua trong năm	-	83.290.000	314.500.000	397.790.000
Số cuối năm	4.302.988.457	1.979.090.320	314.500.000	6.596.578.777
<b>Trong đó:</b>				
Đã hao mòn hết	-	150.200.000	-	150.200.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	(870.254.690)	(1.326.534.997)	-	(2.196.789.687)
Hao mòn trong năm	(39.273.718)	(373.158.547)	(10.483.332)	(422.915.597)
Điều chỉnh giảm hao mòn lũy kế	471.086.483	-	-	471.086.483
Số cuối năm	(438.441.925)	(1.699.693.544)	(10.483.332)	(2.148.618.801)
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	3.432.733.767	569.265.323	-	4.001.999.090
Số cuối năm	3.864.546.532	279.396.776	304.016.668	4.447.959.976
<b>Trong đó:</b>				
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 20.1 và số 20.3)	3.101.718.917	-	-	3.101.718.917

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	<i>VND</i>
	<i>Quyền sử dụng đất</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Số đầu năm và cuối năm	<u>52.826.363</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	52.826.363
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>	
Số đầu năm và cuối năm	<u>(52.826.363)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu năm và cuối năm	<u>-</u>

Đây là Quyền sử dụng đất tại số 9, đường Đồng Khởi, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày kết thúc năm tài chính. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách kế toán trên cơ sở về mức giá cho thuê của bất động sản đầu tư.

*Doanh thu liên quan đến bất động sản đầu tư:*

	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i> <i>Năm trước</i>
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	<u>1.121.818.181</u>	<u>860.090.922</u>

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm</i>
Thiết bị nhà máy vi sinh	5.156.140.939	-
Máy đóng gói chất lỏng tự động	292.950.900	-
Dự án Nghiên cứu Y tế ở nước ngoài	-	1.136.496.296
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>5.449.091.839</b></u>	<u><b>1.136.496.296</b></u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (“Codupha”), một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0300483319 ngày 2 tháng 1 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính đã đăng ký của Codupha là kinh doanh dược phẩm (tân dược, đông dược), dụng cụ y tế thông thường, vắc xin, sinh phẩm y tế; bán buôn chế phẩm diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty sở hữu 23,14% vốn cổ phần của Codupha.

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết này được trình bày như sau:

VND  
Công ty Cổ phần Dược phẩm  
Trung ương Codupha

**Giá gốc đầu tư:**

Số đầu năm và cuối năm	48.108.225.000
------------------------	----------------

**Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:**

Số đầu năm	7.105.688.039
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết trong năm	4.314.917.461
Cổ tức được chia trong năm	(3.804.255.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.272.480.843)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(38.801.878)
Số cuối năm	6.305.067.779

**Giá trị còn lại**

Số đầu năm	55.213.913.039
Số cuối năm	54.413.292.779

Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha với giá trị 32.632.000.000 VND được sử dụng để thế chấp khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận (Thuyết minh số 20.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	VND		
	<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái</i>	<i>Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm và cuối năm	<u>3.284.615.191</u>	<u>4.309.280.504</u>	<u>7.593.895.695</u>
<b>Giá trị phân bổ lũy kế:</b>			
Số đầu năm	(1.067.499.937)	(1.149.141.467)	(2.216.641.404)
Phân bổ trong năm	<u>(328.461.516)</u>	<u>(430.928.052)</u>	<u>(759.389.568)</u>
Số cuối năm	<u>(1.395.961.453)</u>	<u>(1.580.069.519)</u>	<u>(2.976.030.972)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	<u>2.217.115.254</u>	<u>3.160.139.037</u>	<u>5.377.254.291</u>
Số cuối năm	<u>1.888.653.738</u>	<u>2.729.210.985</u>	<u>4.617.864.723</u>

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 29</i> )	157.818.077	164.730
Các bên khác	200.246.806.525	135.572.875.239
<i>Công ty TNHH Raptakos Brett</i>	73.385.709.734	12.292.699.273
<i>Gedeon Richter Plc</i>	31.308.635.797	-
<i>Khác</i>	<u>95.552.460.994</u>	<u>123.280.175.966</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>200.404.624.602</b></u>	<u><b>135.573.039.969</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.539.300.626	5.162.431.500	(1.791.866.624)	5.909.865.502
Thuế thu nhập cá nhân	1.405.367.311	3.192.356.909	(2.681.458.316)	1.916.265.904
Thuế GTGT hàng bán nội địa	613.403.651	106.790.120.893	(107.228.911.947)	174.612.597
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	21.752.614.171	(21.752.614.171)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	138.707.899	(138.707.899)	-
Thuế nhà đất	-	6.029.041	(6.029.041)	-
Thuế khác	-	735.428.408	(735.428.408)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.558.071.588</b>	<b>137.777.688.821</b>	<b>(134.335.016.406)</b>	<b>8.000.744.003</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế GTGT	13.056.703.510	107.980.647.695	(105.512.190.701)	15.525.160.504
Khác	140.735.581	4.179.547.399	(4.320.282.980)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.197.439.091</b>	<b>112.160.195.094</b>	<b>(109.832.473.681)</b>	<b>15.525.160.504</b>

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí chương trình quà tặng khuyến mãi	3.639.270.774	-
Lãi vay	529.988.613	18.563.313
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	333.330.406	-
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	110.000.000	-
Khác	272.127.355	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.884.717.148</b>	<b>18.563.313</b>

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY	VND				
	Số đầu năm	Vay trong năm	Phân loại lại	Trả trong năm	Số cuối năm
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>317.506.537.769</b>	<b>809.264.445.766</b>	<b>4.639.640.000</b>	<b>(727.503.794.132)</b>	<b>403.906.829.403</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	314.679.461.132	809.264.445.766	-	(724.864.154.132)	399.079.752.766
Vay các bên khác (Thuyết minh số 20.2)	187.436.637	-	-	-	187.436.637
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 20.3)	2.639.640.000	-	4.639.640.000	(2.639.640.000)	4.639.640.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>8.821.647.000</b>	<b>18.850.000.000</b>	<b>(4.639.640.000)</b>	<b>(1.200.000.000)</b>	<b>21.832.007.000</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.3)	8.821.647.000	13.650.000.000	(4.639.640.000)	-	17.832.007.000
Vay một bên khác (Thuyết minh số 20.4)	-	5.200.000.000	-	(1.200.000.000)	4.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>326.328.184.769</b>	<b>828.114.445.766</b>	<b>-</b>	<b>(728.703.794.132)</b>	<b>425.738.836.403</b>

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. VAY (tiếp theo)

#### 20.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)
-----------	-------------	-----------------------	------------------

Hình thức đảm bảo

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre

Khoản vay 1	243.831.583.573	Từ ngày 3 tháng 2 năm 2021 đến ngày 31 tháng 8 năm 2021	Từ 5,8 đến 6,3	1.500 trái phiếu với mệnh giá 10.000.000 VND/ trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam phát hành; 2.271.150 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Dược Yên Bái phát hành và 4.366.680 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Vác xin và Sinh phẩm Nhà Trang phát hành; Quyền thu nợ đối với toàn bộ các khoản phải thu khách hàng; Hàng tồn kho được phẩm các loại; Nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, các quyền sử dụng đất thuê tại thửa đất số 13, số 77, số 80, số 81 tỉnh Bến Tre và các phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Dược Bến Tre và quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sơn – Chất dẻo.
-------------	-----------------	---	----------------	--

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận

Khoản vay 1	49.986.984.581	Từ ngày 26 tháng 2 năm 2021 đến ngày 30 tháng 9 năm 2021	Từ 5,5 đến 6,5	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 06/HĐTĐ-KHDN/2020 trị giá 3.000.000.000 VND; Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha trị giá 32.632.000.000 VND; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Thửa đất 295, tờ bản đồ số 64, Khu vực 2, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, TP Cần Thơ; Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất số BA 166880; Hàng tồn kho dược phẩm các loại.
-------------	----------------	--	----------------	--

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre

Khoản vay 1	38.338.366.148	Từ ngày 29 tháng 1 năm 2021 đến ngày 1 tháng 6 năm 2021	Từ 5,3 đến 5,8	Quyền thu nợ đối với toàn bộ các khoản phải thu khách hàng; Quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre; Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất số BN 325781; Hàng tồn kho dược phẩm.
-------------	----------------	---	----------------	--

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. VAY (tiếp theo)

#### 20.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
-----------	----------------------	-----------------------	---------------------	-------------------

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM

Khoản vay 1	28.134.151.690	Từ ngày 17 tháng 3 năm 2021 đến ngày 4 tháng 8 năm 2021	Từ 5,8 đến 6,3	Tin chấp
-------------	----------------	--	----------------	----------

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái

Khoản vay 1	19.597.566.310	Từ ngày 7 tháng 2 năm 2021 đến ngày 28 tháng 6 năm 2021	Từ 6,5 đến 6,7	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất số BD 202192 thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái.
-------------	----------------	--	----------------	--

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình

Khoản vay 1	19.191.100.464	Từ ngày 13 tháng 4 năm 2021 đến ngày 11 tháng 9 năm 2021	Từ 5,7 đến 6,2	Quyền thu nợ đối với các khoản phải thu khách hàng.
-------------	----------------	---	----------------	---

**TỔNG CỘNG** **399.079.752.766**

#### 20.2 Vay ngắn hạn các bên khác

Các khoản vay ngắn hạn từ các bên khác là các khoản vay tín chấp từ Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo, người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Bến Tre; từ nhân viên và từ các cá nhân khác để bổ sung nhu cầu vốn lưu động cho Nhóm Công ty. Các khoản vay này có thời hạn dưới 6 tháng, với lãi suất của ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ.

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. VAY (tiếp theo)

#### 20.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Mục đích	Lãi suất (%/ năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái</b>					
Khoản vay 1	13.650.000.000	Ngày 3 tháng 12 năm 2027	Thanh toán tiền thuê đất	9	Quyền sử dụng đất thuê 50 năm tại tỉnh Bến Tre.
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre</b>					
Khoản vay 1	7.588.647.000	Ngày 12 tháng 11 năm 2024	Thanh toán tiền thuê đất	8	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất số BG 992958.
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre</b>					
Khoản vay 1	932.000.000	Ngày 31 tháng 10 năm 2022	Mua sắm xe ô tô	10,5	Tài sản hình thành từ vốn vay
Khoản vay 2	301.000.000	Ngày 18 tháng 11 năm 2022	Mua sắm xe ô tô	8,9	Tài sản hình thành từ vốn vay
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>22.471.647.000</b>				

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	4.639.640.000
Vay dài hạn	17.832.007.000

#### 20.4 Vay dài hạn một bên khác

Khoản vay dài hạn không có đảm bảo là khoản vay từ cá nhân bà Vương Hạnh Phương để tài trợ vốn lưu động trong năm. Khoản vay này có thời hạn 2 năm, đáo hạn tới 30 tháng 6 năm 2022, với lãi suất 8%/năm.

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 21.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Năm trước	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm	123.144.940.000	538.056.160	8.876.126.506	2.536.822.093	34.396.516.865	169.492.461.624
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	22.243.899.808	22.243.899.808
Phát hành cổ phiếu	12.143.200.000	(105.000.000)	-	-	-	12.038.200.000
Cổ tức được chia	-	-	-	-	(13.528.814.000)	(13.528.814.000)
Mua thêm lợi ích trong công ty con	-	-	-	-	(121.355.814)	(121.355.814)
Chi nộp theo Công văn số 325/SYT-NVD ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Sở Y tế tỉnh Yên Bái	-	-	-	-	(457.888.061)	(457.888.061)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.162.551.680)	(1.162.551.680)
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	478.678.309	-	(478.678.309)	-
Thù lao cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(142.296.000)	(142.296.000)
Điều chỉnh dự phòng thuế TNDN phải trả liên quan đến chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định số 20/2017/NĐ-CP	-	-	-	-	(2.939.578.741)	(2.939.578.741)
Điều chỉnh trong tài sản thuần của công ty liên kết	-	-	-	-	(2.099.946.908)	(2.099.946.908)
Số cuối năm	135.288.140.000	433.056.160	9.354.804.815	2.536.822.093	35.709.307.160	183.322.130.228



## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 21.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm nay</b>							VND
Số đầu năm	135.288.140.000	433.056.160	-	9.354.804.815	2.536.822.093	35.709.307.160	183.322.130.228
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	11.304.645.365	11.304.645.365
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(706.638.275)	(706.638.275)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(1.485.122.222)	(1.485.122.222)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	895.826.918	-	-	(934.628.796)	(38.801.878)
Điều chỉnh trong tài sân thuần của công ty liên kết	-	-	-	-	-	(1.272.480.843)	(1.272.480.843)
Số cuối năm	135.288.140.000	433.056.160	895.826.918	9.354.804.815	2.536.822.093	42.615.082.389	191.123.732.375

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**21.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	135.288.140.000	123.144.940.000
Vốn góp tăng trong năm	-	12.143.200.000
Số cuối năm	<u>135.288.140.000</u>	<u>135.288.140.000</u>

**21.3 Cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm</b>		
Cổ tức trả bằng tiền	68.443.245	23.308.171.600

**21.4 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	(cổ phiếu)	(cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	13.528.814	13.528.814
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	13.528.814	13.528.814
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.528.814</i>	<i>13.528.814</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	13.528.814	13.528.814
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.528.814</i>	<i>13.528.814</i>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**21.5 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	11.304.645.365	22.243.899.808
Trừ: Quỹ khen thưởng và phúc lợi	<u>(706.638.275)</u>	<u>(1.162.551.680)</u>
Lợi nhuận thuần sau điều chỉnh phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	10.598.007.090	21.081.348.128
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	<u>13.528.814</u>	<u>12.776.934</u>
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b><u>783</u></b>	<b><u>1.650</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	54.492.018.210	70.261.290.735
Lợi nhuận thuần trong năm	2.958.005.691	3.395.684.053
Cổ tức được chia	(1.255.590.100)	(837.060.067)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(120.162.946)	(57.584.540)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị	(22.651.650)	(25.704.000)
Mua thêm lợi ích trong công ty con	-	(18.093.444.186)
Chi nộp theo Công văn số 325/SYT-NVD ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Sở Y tế tỉnh Yên Bái	-	(99.492.415)
Khác	-	(51.671.370)
Số cuối năm	<u>56.051.619.205</u>	<u>54.492.018.210</u>

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>843.390.439.358</b>	<b>793.588.502.985</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	657.325.634.190	688.205.979.091
Doanh thu bán thành phẩm	184.855.822.800	104.858.887.530
Doanh thu cho thuê mặt bằng	1.121.818.181	523.636.364
Doanh thu cung cấp dịch vụ	87.164.187	-
<b>Khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(6.980.269.694)</b>	<b>(7.306.038.372)</b>
Chiết khấu thương mại	(6.007.131.917)	(4.611.673.373)
Giảm giá hàng bán	(697.024.024)	(2.407.739.212)
Hàng bán bị trả lại	(276.113.753)	(286.625.787)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>836.410.169.664</u></b>	<b><u>786.282.464.613</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần từ bán hàng	835.201.187.296	785.758.828.249
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	1.208.982.368	523.636.364
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần đối với các bên khác	835.684.176.224	785.482.575.785
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	725.993.440	799.888.828

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU** (tiếp theo)

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.087.409.060	3.643.976.003
Lãi tiền gửi	4.357.156.786	4.547.939.453
Chiết khấu thanh toán	408.666.610	442.175.166
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	-	243.790.000
Khác	4.390.280	29.700.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.857.622.736</u></b>	<b><u>8.907.580.622</u></b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	557.248.316.093	546.335.671.965
Giá vốn thành phẩm	67.221.352.836	52.701.339.160
Giá vốn cho thuê hoạt động	264.598.709	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>624.734.267.638</u></b>	<b><u>599.037.011.125</u></b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	23.842.446.048	15.183.926.131
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.264.189.604	365.540.309
Chiết khấu thanh toán	950.966.953	1.048.483.577
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	702.669.087	317.541.590
Khác	-	54.105.967
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>26.760.271.692</u></b>	<b><u>16.969.597.574</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>133.411.871.093</b>	<b>105.427.539.394</b>
Chi phí nhân viên	85.777.497.431	66.734.373.460
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.463.681.889	22.931.033.292
Chi phí hàng khuyến mãi	7.537.570.293	-
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.229.820.088	2.027.802.421
Khác	12.403.301.392	13.734.330.221
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>47.400.418.508</b>	<b>50.785.299.003</b>
Chi phí nhân viên	23.961.331.828	33.626.709.855
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.610.605.031	6.184.754.198
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.193.713.540	1.089.667.165
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 16)	759.389.568	759.389.568
Khác	11.875.378.541	9.124.778.217
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>180.812.289.601</b>	<b>156.212.838.397</b>

**26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.700.602.192</b>	<b>2.564.294.204</b>
Hàng tặng nhận được từ nhà cung cấp	560.754.168	1.499.747.657
Xóa sổ công nợ	473.258.330	-
Tiền phạt và tiền bồi thường nhận được	368.807.610	-
Cho thuê mặt bằng	-	336.454.558
Tài trợ nhận được từ nhà cung cấp	-	244.802.022
Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	117.972.296
Khác	297.782.084	365.317.671
<b>Chi phí khác</b>	<b>(2.823.706.608)</b>	<b>(401.647.697)</b>
Phạt thuế	(2.727.541.850)	-
Phạt vi phạm hợp đồng	-	(108.500.000)
Khác	(96.164.758)	(293.147.697)
<b>(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b>(1.123.104.416)</b>	<b>2.162.646.507</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hàng hóa	557.248.316.093	546.335.671.965
Chi phí nhân viên	125.151.290.259	114.452.659.984
Chi phí nguyên vật liệu	44.535.130.623	43.661.541.799
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.144.766.219	31.922.748.413
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11, 12 và 16)	12.667.114.394	14.095.146.120
Chi phí khác	32.075.760.574	21.327.674.539
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>796.822.378.162</b>	<b>771.795.442.820</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**28.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.811.942.960	5.629.894.636
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thừa những năm trước	(1.258.392.522)	-
Giảm thuế TNDN	(391.118.938)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.162.431.500	5.629.894.636
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(2.272.306.042)	(208.540.479)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.890.125.458</b>	<b>5.421.354.157</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>17.152.776.514</b>	<b>31.060.938.018</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	3.430.555.301	6.212.187.604
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	1.041.309.608	1.191.575.698
Lỗi thuế chưa ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	519.163.418	-
Giảm thuế TNDN (*)	(391.118.938)	-
Phần lỗ từ công ty liên kết	(862.983.492)	(1.185.538.674)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	(1.258.392.522)	-
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(379.338.388)
Cổ tức được chia	-	(5.940.000)
Khác	411.592.083	(411.592.083)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>2.890.125.458</b>	<b>5.421.354.157</b>

(\*) Theo quy định tại Nghị định số 114/2020 / ND-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn về giảm thuế TNDN phải nộp có hiệu lực thi hành trong năm tính thuế 2020, chi phí thuế TNDN đã giảm 391.118.938 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**28.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**28.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả với các biến động trong năm hiện hành và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>hợp nhất</i>		<i>kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>				
Chi phí trích trước	937.233.881	-	937.233.881	-
Chi phí lãi vay	2.559.843.608	-	2.559.843.608	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	805.484.191	1.713.077.689	(907.593.498)	525.718.431
<b>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</b>				
Chi phí cải tạo, sửa chữa kho và văn phòng	(914.700.818)	(597.522.869)	(317.177.949)	(317.177.952)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>3.387.860.862</b>	<b>1.115.554.820</b>		
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất</b>			<b>2.272.306.042</b>	<b>208.540.479</b>

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước	VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Cổ tức nhận được Bán hàng hóa	3.804.255.000 52.313.397.413	2.958.539.524 799.888.828	
Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones	Bên liên quan	Chi phí thuê văn phòng	1.146.535.530	915.848.663	

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán Nội bộ và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)		VND
		Năm nay	Năm trước	
Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch	564.300.000	634.120.000	
Ông Vũ Quang Đông	Phó Chủ tịch	504.300.000	481.500.000	
Ông Phạm Thử Triệu	Tổng Giám đốc	1.079.865.000	1.026.560.000	
Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	549.095.327	589.713.367	
Ông Triệu Văn Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	534.042.499	645.060.000	
Bà Trần Thị Thanh Phượng	Phó Tổng Giám đốc	465.316.400	458.710.000	
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Phó Tổng Giám đốc	456.077.499	645.060.000	
Ông Võ Minh Tân	Thành viên	221.631.444	896.462.500	
Ông Nguyễn Khắc Hạnh	Thành viên	264.300.000	213.500.000	
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	264.300.000	213.500.000	
Ông Lê Vinh Danh	Thành viên	144.300.000	86.722.222	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>5.047.528.169</b>	<b>5.890.908.089</b>	

(\*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác



## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>					
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	117.268.767	184.343.715	
<b>Ứng trước cho người bán ngắn hạn</b>					
Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Bên liên quan	Mua dịch vụ	550.200.000	550.200.000	
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones	Bên liên quan	Cho vay	-	10.000.000.000	
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>					
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	2.958.865.000	-	
Ông Phạm Thứ Triệu	Tổng Giám đốc	Chi hộ	-	195.439.500	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones	Bên liên quan	Ký quỹ	-	165.244.444	
Ông Võ Minh Tân	Phó Tổng Giám đốc	Chi hộ	-	114.915.625	
Bà Trần Thị Thanh Phượng	Phó Tổng Giám đốc	Chi hộ	-	43.023.280	
Ông Triệu Văn Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	-	30.000.000	
Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	-	30.000.000	
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Phó Tổng Giám đốc	Chi hộ	-	12.931.536	
			-	23.895.503	
			<b>2.958.865.000</b>	<b>615.449.888</b>	

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN/HN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>VND</i>
<b><i>Phải thu dài hạn khác</i></b>					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones	Bên liên quan	Đặt cọc thuế văn phòng	-		<u>95.938.480</u>
<b><i>Phải trả cho người bán ngắn hạn</i></b>					
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	<u>157.818.077</u>		<u>164.730</u>
Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	Cổ tức phải trả	-		<u>19.500.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	14.983.654.570	15.526.680.003
Từ 1 - 5 năm	70.522.666.280	71.365.666.800
Trên 5 năm	14.595.075.271	28.590.745.642
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>100.101.396.121</u></b>	<b><u>115.483.092.445</u></b>

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	979.636.364	1.032.727.273
Từ 1 – 5 năm	1.570.000.000	2.989.120.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.549.636.364</u></b>	<b><u>4.021.847.273</u></b>

**31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý		
Ông Huỳnh Lê Duy Việt	5.283.260.500	5.283.260.500
Công ty TNHH Nhà nước MTV Dược Vật tư		
Y tế Quảng Ngãi	66.641.390	-
Đại lý Cao Văn Tươi	33.111.268	-
Đại lý 126 Phạm Thị Nga	6.584.879	-
Quầy thuốc 449 Trần Anh Tài	3.106.853	-
Ngoại tệ		
USD	234,24	30.785
EUR	201,85	201,85

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN**

Ngày 12 tháng 1 năm 2021, Công ty đã phát hành thành công 676.302 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó vốn cổ phần của Công ty đã tăng lên 142.051.160.000 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 17 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 2 năm 2021.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Nguyễn Thị Thanh Giang  
Người lập



Nguyễn Khắc Hành  
Kế toán trưởng



Phạm Thứ Triệu  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2021



Website: [www.bepharco.com](http://www.bepharco.com)